

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH
ENERGY GROUP
TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY

Số: 10.8/2026/CV-TEG

No: 10.8/2026/CV-TEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Hanoi, 29th October, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

To: - The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group

Organization name: Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company

- Mã chứng khoán: TEG

Stock code: TEG

- Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 3 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Address: Floor 4, Sun Grand City Ancora Residence building, No. 03 Luong Yen street, Hai Ba Trung ward, Hanoi city, Vietnam.

- Điện thoại/Telephone: (024) 35.599.599 Fax: (024) 38.398.974

- E-mail: vp@ttvngroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Content of disclosed information:

Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2026.

Separate Financial Statements for Q3 2026.

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2026.

Consolidated Financial Statements for Q3 2026.

Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng Quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.

Explanation of Differences in Net Profit After Tax on Separate Financial Statements for Q3 2026 Compared to the Same Period in 2025.

Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên BCTC Hợp nhất Quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.

Explanation of Differences in Net Profit After Tax on Consolidated Financial Statements for Q3 2026 Compared to the Same Period in 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23/10/2026 tại đường dẫn: <https://tteg.vn>.

This information was published on the Company's website on 23rd October, 2026, at the following link: <https://tteg.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is true and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm

Attached Documents

- Các tài liệu liên quan đến nội dung CBTT.

Documents Related to the Content of Information Disclosure.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information



Dương Đức Lâm

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**QUÝ III CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 09 năm 2026	4 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	9 - 10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11 - 52

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105167260, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) chấp nhận thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 25 lần. Trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 25 ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc thay đổi tên Công ty và ngành nghề kinh doanh chính.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0242 242 5995

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) trong kỳ là: vận hành, bảo dưỡng Nhà máy điện mặt trời; giám sát thi công xây dựng công trình; kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ tư vấn; sản xuất và kinh doanh điện; và đầu tư tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đào Xuân Đức	Thành viên
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đặng Bích Thuý	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 21 tháng 09 năm 2026)
Bà Trần Thị Hạnh	Trưởng ban (bầu bổ sung thành viên ngày 21 tháng 09 năm 2026; bầu Trưởng ban ngày 22 tháng 09 năm 2026)
Bà Lê Thuý Linh	Thành viên
Bà Vương Thị Oanh	Thành viên

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Mạnh Huy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 08 tháng 10 năm 2026)
Bà Phạm Thị Huệ	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 08 tháng 10 năm 2026)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này là Ông Đặng Trung Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Đặng Trung Kiên đã ủy quyền cho Ông Hoàng Mạnh Huy – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo Giấy ủy quyền số 57/2024/UQ-TEG ngày 19 tháng 4 năm 2024.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thừa Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc

Hoàng Mạnh Huy

Ngày 23 tháng 10 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		716.728.117.216	867.445.273.579
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.663.970.947	7.575.088.986
1. Tiền	111		3.663.970.947	4.825.088.986
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.750.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		278.365.907.629	189.902.330.752
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	278.365.907.629	189.902.330.752
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		312.362.884.163	547.257.307.916
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	174.861.162.350	360.430.404.396
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	122.991.655.990	95.936.772.458
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	14.530.065.823	90.910.131.062
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(20.000.000)	(20.000.000)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		116.900.117.155	107.106.382.009
1. Hàng tồn kho	141	V.6	116.900.117.155	107.106.382.009
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		5.435.237.322	15.604.163.916
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		20.943.904	227.735.122
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		3.300.902.322	13.105.074.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	158.668.235
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.8	2.113.391.096	2.112.686.301

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.137.301.478.387	963.182.968.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.001.700.000	30.401.450.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	30.001.700.000	30.401.450.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.315.388.213	75.600.314.945
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.315.388.213	75.600.314.945
- Nguyên giá	222		9.326.667.602	105.022.463.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.011.279.389)	(29.422.148.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		228.604.761.832	193.862.311.673
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	228.604.761.832	193.862.311.673
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		865.473.371.347	661.099.060.499
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	161.941.016.338	212.515.848.619
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	730.816.605.901	474.560.605.901
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2c	(27.284.250.892)	(25.977.394.021)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		7.906.256.995	2.219.831.456
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	7.386.092.651	1.847.667.112
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.17a	520.164.344	372.164.344
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.854.029.595.603	1.830.628.242.152

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

C - NỢ PHẢI TRẢ		300	384.368.896.399	342.680.934.799
I. Nợ ngắn hạn	310		218.959.461.436	167.352.028.776
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.11		11.028.365.509	5.791.613.111
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.12		116.620.076.976	54.530.796.167
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314 V.13		5.326.355.852	5.217.698.840
5. Phải trả người lao động	315		1.411.281.107	1.012.009.028
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316 V.14		12.970.076.919	11.639.842.848
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320 V.15		2.410.650.514	2.265.230.628
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321 V.16a		69.192.654.559	86.894.838.154
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		165.409.434.963	175.328.906.023
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339 V.16b		164.758.372.842	174.430.234.560
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342 V.17b		651.062.121	898.671.463
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	1.469.660.699.204	1.487.947.307.353
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.208.065.620.000	1.208.065.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.208.065.620.000	1.208.065.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		3.467.545.239	3.467.545.239
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		137.000.667.521	126.767.016.513
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		126.756.606.860	126.767.016.513
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		10.244.060.661	-
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		121.126.866.444	149.647.125.601
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.854.029.595.603	1.830.628.242.152

Người lập biểu

Phạm Thị Huệ

Kế toán trưởng

Phạm Thị Huệ



Lập ngày 23 tháng 10 năm 2026

TUQ/ Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

				Quý III		Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1		6.613.755.361	15.145.064.418	25.838.846.264	40.030.306.186
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10			6.613.755.361	15.145.064.418	25.838.846.264	40.030.306.186
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2		4.407.085.074	8.710.779.505	17.189.957.572	24.672.739.377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			2.206.670.287	6.434.284.913	8.648.888.692	15.357.566.809
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản	21			-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3		6.505.524.415	4.517.553.214	23.985.539.197	14.692.548.058
8. Chi phí tài chính	23	VI.4		1.829.678.465	1.252.125.975	3.428.436.360	8.036.843.486
Trong đó: chi phí đi vay	24			516.821.594	1.252.125.975	2.115.579.489	4.372.718.226
9. Chi phí bán hàng	25			-	145.000.000	-	150.231.481
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5		4.420.624.565	4.177.043.672	13.033.556.735	14.256.726.578
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27			68.511.146	-	27.734.743	(37.491.701)
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			2.530.402.818	5.377.668.480	16.200.169.537	7.568.821.621
13. Thu nhập khác	31	VI.6		2.000	-	280.911.091	5.190.421.834
14. Chi phí khác	32			161.536.528	447.462.582	204.835.665	1.046.021.371
15. Lợi nhuận khác	40			(161.534.528)	(447.462.582)	76.075.426	4.144.400.463
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			2.368.868.290	4.930.205.898	16.276.244.963	11.713.222.084
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			(271.275.724)	1.052.383.532	4.501.199.990	2.221.230.283
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17c		(46.666.667)	(177.145.645)	(395.609.342)	(428.259.146)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			2.686.810.681	4.054.968.011	12.170.654.315	9.920.250.947
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61			2.029.406.885	3.444.629.299	10.244.060.661	7.207.278.404
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			657.403.796	610.338.712	1.926.593.654	2.712.972.543
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7		17	29	85	60
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7		17	29	85	60

Người lập biểu

Phạm Thị Huệ

Kế toán trưởng

Phạm Thị Huệ



Lập, ngày 23 tháng 10 năm 2026

TUO Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.276.244.963	11.713.222.084
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.8	2.628.803.211	6.521.726.090
- Các khoản dự phòng	03		1.306.856.871	(40.333.663)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; VI.4	(48.079.013)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(24.246.104.018)	(14.692.404.838)
- Chi phí đi vay	06		2.115.579.489	4.372.718.226
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.966.698.497)	7.874.927.899
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.595.654.142)	68.833.510.087
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.793.735.146)	(884.424.790)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		68.559.885.799	24.989.851.000
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(5.420.730.220)	627.238.729
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(857.386.405)	(3.209.882.972)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.754.828.046)	(3.360.227.888)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.170.853.343	94.870.992.065
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(34.879.985.159)	(54.916.628.886)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		280.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(59.900.000.000)	(58.260.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.136.999.999	40.902.915.800
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.256.000.000)	(67.465.568.272)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		57.892.625.942	18.562.491.701
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.261.897.219	(1.821.249.016)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.463.552.908)	(122.998.038.673)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

				Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		2.893.700.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	9.007.581.065		66.099.982.547
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(21.625.999.539)		(30.985.220.507)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.618.418.474)		38.008.462.040
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.911.118.039)		9.881.415.432
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.575.088.986		2.943.829.739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.663.970.947		12.825.245.171

Người lập biểu



Phạm Thị Huệ

Kế toán trưởng



Phạm Thị Huệ

Lập, ngày 23 tháng 10 năm 2026
 Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc
CÔNG PHẦN
TRƯỜNG THÀNH
ENERGY GROUP
 Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là đầu tư, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn trong kỳ bao gồm: vận hành, bảo dưỡng Nhà máy điện mặt trời; giám sát thi công xây dựng công trình; kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ tư vấn; sản xuất và kinh doanh điện; và đầu tư tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ và sản xuất điện, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường bắt đầu từ thời điểm thực hiện các thủ tục pháp lý đầu tư dự án, bao gồm xin chấp thuận đầu tư, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thiện sản phẩm để chuyển nhượng. Theo đó, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Tập đoàn thường kéo dài từ trên 12 tháng đến khoảng 36 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Trong tháng 5 năm 2026, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại hai công ty con cấp 2 là Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh (“Sen Xanh”) và Công ty Cổ phần Công nghệ Xanh Trường Thành Miền Trung (“TTMT”). Kể từ thời điểm hoàn tất việc chuyển nhượng, Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với Sen Xanh và TTMT, đồng thời mất quyền kiểm soát đối với các công ty con cấp 3 do hai công ty này sở hữu. Theo đó, Tập đoàn chấm dứt hợp nhất các công ty nêu trên vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mất quyền kiểm soát.

Tại ngày mất quyền kiểm soát, giá trị tài sản và nợ phải trả của Sen Xanh và TTMT (bao gồm các công ty con cấp 3 do hai công ty này sở hữu) như sau:

	Sen Xanh	TTMT	Cộng
Tài sản	43.184.371.825	33.934.921.992	77.119.293.817
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.791.625	904.701.813	1.248.493.438
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	384.000.000	1.700.000.000	2.084.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	895.949.214	820.497.342	1.716.446.556
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	58.579.290	29.973.514	88.552.804
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.195.295.700	1.433.711.226	3.629.006.926
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	158.668.235		158.668.235

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Sen Xanh	TTMT	Cộng
Phải thu dài hạn khác	400.000.000		400.000.000
Nguyên giá - Tài sản cố định hữu hình	53.846.545.452	40.568.250.454	94.414.795.906
Giá trị hao mòn lũy kế - Tài sản cố định hữu hình	(15.098.837.380)	(11.522.300.005)	(26.621.137.385)
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	379.689	87.648	467.337
			-
Nợ phải trả	9.380.091.695	6.292.624.598	15.672.716.293
Phải trả người bán ngắn hạn	324.720.000	1.999.000	326.719.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	40.728.054	44.328.860	85.056.914
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.846.173.836	4.376.647.260	10.222.821.096
Tài sản thuần	33.804.280.130	27.642.297.394	61.446.577.524
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	16.902.127.088	13.544.725.723	30.446.852.811
Tài sản thuần của Tập đoàn	16.902.153.042	14.097.571.671	30.999.724.713
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng mà Tập đoàn đang sở hữu	100%	100%	100%
Tài sản thuần chuyển nhượng	16.902.153.042	14.097.571.671	30.999.724.713

Lãi liên quan đến thoái vốn tại các công ty con như sau:

	Sen Xanh	TTMT	Cộng
Giá chuyển nhượng	18.590.111.728	15.708.961.303	34.299.073.031
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	16.902.153.042	14.097.571.671	30.999.724.713
Lãi thoái vốn (xem Thuyết minh VI.3)	1.687.958.686	1.611.389.632	3.299.348.318

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại các công ty con:

Thu bằng tiền	32.584.119.380
Tiền và các khoản tương đương tiền tại các công ty con tại ngày chuyển nhượng	(1.248.493.438)
Tiền thu thuần	31.335.625.942

Cam kết góp vốn thành lập Công ty con

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/2024/NQ-HĐQT/TEG ngày 31 tháng 10 năm 2024, Tập đoàn tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối Điện Trường Thành GIP (“GIP”), với tổng vốn điều lệ của GIP là 5.000.000.000 VND, tương ứng 500.000 cổ phần. Trong đó:

Tên công ty góp vốn	Số vốn cam kết góp VND	Tỷ lệ %	Số đã góp tại 30/09/2026	Số còn phải góp
Công ty mẹ	2.525.000.000	50,5%	50.500.000	2.474.500.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành	25.000.000	0,5%	500.000	24.500.000

Thành lập Công ty con mới trong kỳ

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/2026/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 07 năm 2026, Tập đoàn góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Trường Thành Castrol Gogoro Mobility (“TTCG”) tại thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ 25.000.000.000 VND (tương ứng 2.500.000 cổ phần). Trong đó, Công ty mẹ cam kết góp 15.000.000.000 VND (60% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần Năng lượng Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thành (công ty con) cam kết góp 5.000.000.000 VND (20% vốn điều lệ). TTCG được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 07/08/2026. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty mẹ đã góp 60.000.000 VND, các cổ đông khác chưa góp vốn. TTCG được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này kể từ ngày thành lập, do tại ngày kết thúc kỳ kế toán chỉ có Công ty mẹ góp vốn nên lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại TTCG bằng không. TTCG chưa phát sinh doanh thu, chi phí trong kỳ.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong kỳ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con cấp 1						
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (“TTP”)	Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 3 Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	Công ty hoạt động bình thường. Lợi nhuận chủ yếu đến từ hoạt động đầu tư.	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%
Công ty TNHH Onsen Hội Vân (“Onsen HV”)	Thôn Hội Vân, Xã Hòa Hội, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Hoạt động chính trong kỳ là đầu tư xây dựng cơ bản.	65,75%	65,75%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối Điện Trường Thành GIP	Tầng 1, Lô DVCC1-1, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green iP-1), Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Công ty mới thành lập, chưa phát sinh doanh thu	2,04%	2,04%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Trường Thành Castrol Gogoro Mobility (“TTCG”)	Số 22 đường 63, khu phố 14, phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công ty mới thành lập, chưa phát sinh doanh thu	100%	-	80,00%	-
Công ty con cấp 2 (Công ty con của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành)						
Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh (“TTP Trà Vinh”)	Căn hộ PG1-10, khu nhà phố Vincom, khóm 3, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Hoạt động chính trong kỳ là tiếp tục đầu tư dự án	94,98%	94,98%	99,00%	99,00%

Danh sách các Công ty con ngừng hợp nhất trong kỳ (hợp nhất đến ngày 31 tháng 05 năm 2026)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong kỳ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con cấp 2 (Công ty con của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành)						
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung	Số nhà 220, đường Lê Đại Hành, tổ 11, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Đầu tư tài chính	-	46,98%	-	51,00%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh	Số nhà 220, đường Lê Đại Hành, tổ 11, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Đầu tư tài chính	-	46,06%	-	50,000 0384%

Công ty con cấp 3

Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong kỳ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhon Tân 1	Số 108, đường Hàm Nghi, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,98%	-	100%
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhon Tân 2	Số 396 đường Tây Sơn, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,98%	-	100%
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhon Tân 5	Lô 32 Hoàng Văn Thái, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,98%	-	100%
<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh</i>						
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Aquila	Nhà số 6 đường 4A, Khu An Phú An Khánh, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,06%	-	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Lyra	154/30/16 Phạm Văn Hai, Phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,06%	-	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Vega	22 đường số 63, Khu phố 1, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,06%	-	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Vela	87/42/8 Đường 27, Phường An Nhơn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,06%	-	100%

5c. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong kỳ	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Điện gió Đồng Hải	Căn hộ PG1-10, khu nhà phố Vincom, khóm 3, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Hoạt động chủ yếu trong kỳ là đầu tư dự án tạm ứng cho các cá và nhân để thực hiện dự án.	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (Công ty liên kết đến ngày 30/6/2026)	Số nhà 645/9/15, đường Quang Trung, phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Hoạt động chính trong kỳ là tiếp tục đầu tư dự án bất động sản	-	30,125%	-	30,125%

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Tập đoàn có 71 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 61 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

Trong kỳ, Tập đoàn lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán "TEG" theo Quyết định số 497/QĐ-SGDHCM ngày 28/12/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 09/03/2018. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc của kỳ kế toán là 120.806.562 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Tập đoàn vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tập đoàn tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn liên quan đến phải thu chuyển nhượng cổ phần: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Tập đoàn chỉ bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản mà Tập đoàn làm chủ đầu tư. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư dự án và các chi phí đủ điều kiện được vốn hóa vào giá trị của dự án.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tập đoàn thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là Chi phí hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay ngân hàng để thanh toán tiền mua bất động sản, với thời gian hỗ trợ dao động từ 18 tháng đến 24 tháng, và được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán khi căn hộ được bàn giao và ghi nhận doanh thu.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (“VAS 16”). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 120 tháng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Việc xác định phương pháp kế toán áp dụng căn cứ vào bản chất thực tế của từng hợp đồng, đặc biệt là sự tồn tại hay không của quyền đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được xác định khi các quyết định liên quan đến các hoạt động chủ yếu của BCC đòi hỏi phải có sự đồng thuận của tất cả các bên có quyền kiểm soát chung, không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay hình thức pháp lý của hợp đồng.

Trong mọi trường hợp, khi Tập đoàn là bên nhận tiền hoặc tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, khoản nhận này được ghi nhận là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

BCC mà Tập đoàn tham gia chỉ bao gồm BCC không đồng kiểm soát, trong đó, Tập đoàn là bên góp vốn và được hưởng lợi ích theo lợi nhuận sau thuế của BCC. Khoản góp vốn BCC này được ghi nhận là khoản đầu tư tài chính và được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Lợi nhuận được chia từ BCC được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi Tập đoàn có quyền nhận. Dự phòng tổn thất (nếu có) được trích lập theo quy định về dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (xem Thuyết minh số IV.3).

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Tập đoàn không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống; các khoản nhận hỗ trợ từ Nhà nước hoặc các bên khác liên quan đến tài sản hoặc thu nhập và có kèm theo điều kiện...

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm các khoản tiền nhận trước của người mua mà Tập đoàn chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các khoản doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia với đơn giá được quy định tại các Hợp đồng kinh tế ký kết với các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Điện lực.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Tập đoàn xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

- Các cổ đông là tổ chức có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn và các công ty con, công ty liên kết của các cổ đông này;
- Các công ty liên kết của Tập đoàn;
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	288.972.146	23.572.146
Tiền gửi không kỳ hạn	3.374.998.801	4.801.516.840
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.702.274.234	3.143.252.323
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	1.072.380.762
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	634.180.639	506.184.163
- Các ngân hàng, tổ chức khác	38.543.928	79.699.592
Các khoản tương đương tiền	-	2.750.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	2.750.000.000
Cộng	3.663.970.947	7.575.088.986

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.084.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-	2.084.000.000	-
Cho vay các bên liên quan	97.924.654.791	-	15.869.082.188	-
Bà Đặng Thị Phương Hoa	15.187.991.777	-	15.869.082.188	-
- Gốc	14.155.000.000	-	15.270.000.000	-
- Lãi	1.032.991.777	-	599.082.188	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	53.842.630.137	-	-	-
- Gốc	52.500.000.000	-	-	-
- Lãi	1.342.630.137	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	28.894.032.877	-	-	-
- Gốc	28.300.000.000	-	-	-
- Lãi	594.032.877	-	-	-
Cho vay các tổ chức, cá nhân khác	180.441.252.838	-	171.949.248.564	-
Ông Dương Anh Nam	20.802.027.397	-	19.364.000.000	-
- Gốc	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
- Lãi	2.802.027.397	-	1.364.000.000	-
Ông Lê Vũ Dũng	18.572.947.946	-	17.300.693.151	-
- Gốc	17.010.000.000	-	17.010.000.000	-
- Lãi	1.562.947.946	-	290.693.151	-
Ông Vũ Bảo Long	48.949.912.877	-	45.961.871.781	-
- Gốc	39.950.000.000	-	39.950.000.000	-
- Lãi	8.999.912.877	-	6.011.871.781	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ	38.330.384.657	-	35.678.315.068	-
- Gốc	32.740.000.000	-	32.740.000.000	-
- Lãi	5.590.384.657	-	2.938.315.068	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long	53.785.979.961	-	53.644.368.564	-
- Gốc	39.178.000.001	-	42.600.000.000	-
- Lãi	14.607.979.960	-	11.044.368.564	-
Cộng	278.365.907.629	-	189.902.330.752	-

Thông tin bổ sung về các khoản cho vay như sau:

Bên vay	Hợp đồng/Mục đích	Thời hạn vay	Lãi	Tài sản đảm bảo/ bảo lãnh
			suất/năm	
Bà Đặng Thị Phương Hoa	Hợp đồng ngày 26/12/2023, mục đích để đầu tư	12 tháng, được tái tục đến ngày 05/07/2027	10%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	Hợp đồng ngày 21/05/2026, mục đích	12 tháng, đến hạn ngày 20/05/2027	6%	Không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên vay	Hợp đồng/Mục đích	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo/ bảo lãnh
	bổ sung vốn kinh doanh của bên vay			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	Hợp đồng ngày 04/06/2026, mục đích bổ sung vốn kinh doanh của bên vay	12 tháng, đến hạn ngày 04/06/2027	14%	Không có tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	Hợp đồng ngày 29/06/2026, mục đích bổ sung vốn kinh doanh của bên vay	12 tháng, đến hạn ngày 29/06/2027	10%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Ông Dương Anh Nam	Hợp đồng ngày 06/03/2024, mục đích để đầu tư	12 tháng, được tái tục đến ngày 06/3/2027	8% -12%	1.800.000 cổ phần thuộc sở hữu của ông Trần Kim Tuyền tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Nam Minh
Ông Lê Vũ Dũng	Hợp đồng ngày 27/10/2025, mục đích để đầu tư	01 năm, đến hạn ngày 28/10/2026	10%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Ông Vũ Bảo Long	Hợp đồng ngày 27/05/2024, mục đích để đầu tư	6 tháng; được tái tục trong vòng 12 tháng cho đến ngày 30/11/2026	10%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ	Hợp đồng ngày 02/01/2025, mục đích để bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Bên vay	1 năm và được tái tục trong vòng 12 tháng cho đến ngày 03/01/2027	10% - 12%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long (thành viên góp vốn của Onsen Hội Vân)	Hợp đồng ngày 08/12/2021, mục đích bổ sung vốn kinh doanh của bên vay	3 tháng kể từ ngày giải ngân, được tiếp tục tái tục khi đến hạn trong trường hợp hai bên vẫn có nhu cầu vay và cho vay	12%	Bảo lãnh bằng toàn bộ phần vốn góp của Bên vay tại Bên cho vay (Onsen Hội Vân), tương đương 60 tỷ VND; và 5.000.000 cổ phần của Bà Đặng Thu Trang (Bên liên quan của Tập đoàn) tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

Tập đoàn đánh giá giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay trên cơ sở khả năng thanh toán của bên vay, thời hạn thu hồi và các tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh có liên quan.

Dự phòng cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tập đoàn đánh giá các khoản cho vay này có khả năng thu hồi đầy đủ và không phải trích lập dự phòng tổn thất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Cộng
Số cuối kỳ			
Giá gốc	162.000.000.000	-	162.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(58.983.662)	-	(58.983.662)
Cộng	161.941.016.338	-	161.941.016.338
Số đầu năm			
Giá gốc	162.000.000.000	39.652.700.000	201.652.700.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(127.494.808)	10.990.643.427	10.863.148.619
Cộng	161.872.505.192	50.643.343.427	212.515.848.619

Chi tiết số lượng cổ phần do Tập đoàn sở hữu và tỷ lệ sở hữu tương ứng như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	16.200.000	36,00%	16.200.000	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (*)	-	-	2.410.000	30,125%

(*) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2026/NĐ-HĐQT ngày 26 tháng 06 năm 2026, Công ty mẹ đã chuyển nhượng 2.410.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (sau đây gọi tắt là “cổ phần 108 Trường Thành”) cho Ông Đỗ Văn Quang với giá chuyển nhượng 55.791.500.000 VND (23.150 VND/cổ phần), lãi 5.188.932.976 VND (Thuyết minh VI.3). Sau khi thực hiện giao dịch này, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần 108 Trường Thành. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần sang cho người mua.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải (*)	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Cộng
Số đầu năm	161.872.505.192	50.643.343.427	212.515.848.619
Phần lãi/(lỗ) trong kỳ	68.511.146	(40.776.403)	27.734.743
Giá trị phần chuyển nhượng trong kỳ	-	(50.602.567.024)	(50.602.567.024)
Số cuối kỳ	161.941.016.338	-	161.941.016.338

(*) Phần lãi của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải được xác định theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026 do Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải tự lập, chưa được kiểm toán hoặc soát xét (lợi nhuận sau thuế 9 tháng: 190.308.740 VND; tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn: 36%).

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giao dịch với công ty liên kết

Xem Thuyết minh VIII.1b.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	40.249.990.000	(10.277.377.118)	40.249.990.000	(8.970.520.247)
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	73.621.035.901	-	73.621.035.901	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh	300.689.580.000	(17.006.873.774)	300.689.580.000	(17.006.873.774)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Lệ Thủy (**)	254.000.000.000	-	-	-
BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà	47.256.000.000	-	45.000.000.000	-
Cộng	730.816.605.901	(27.284.250.892)	474.560.605.901	(25.977.394.021)

Chi tiết số lượng cổ phần do Tập đoàn sở hữu và tỷ lệ sở hữu tương ứng như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	4.024.999	19,99%	4.024.999	19,99%
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	5.765.599	4,99%	5.765.599	4,99%
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải	1.500.000	15,00%	1.500.000	15,00%
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh	15.034.479	19,99%	15.034.479	19,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Lệ Thủy (**)	25.400.000	18,14%	-	-
BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà (*)	47,256 tỷ VND		45 tỷ VND	

(*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03/12/2025 với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà ("Duyên Trà"), Công ty mẹ cam kết góp 90.000.000.000 VND để cùng phát triển Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3 mở rộng) tại xã Đông Hải, tỉnh Vĩnh Long, thời hạn hợp tác 05 năm. Khoản hợp tác được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam. BCC do Duyên Trà quản lý, điều hành; Công ty mẹ không có quyền đồng kiểm soát và được hưởng lợi ích theo lợi nhuận sau thuế của BCC. Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ vào dự án sẽ được các bên thống nhất sau khi tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, BCC này đang trong giai đoạn khảo sát, nghiên cứu, chưa triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(**) Ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (công ty con) nhận chuyển nhượng cổ phần tương đương 18,14% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Lệ Thủy từ các cá nhân Ông Dương Đình Tâm, Ông Nguyễn Tùng Lâm, Ông Nguyễn Anh Tuấn theo Hợp đồng 01/2026/HĐCN/TTP-NLLT, tổng giá trị chuyển nhượng 254.000.000.000 VND. Khoản thanh toán được thực hiện bằng hình thức bù trừ với các khoản phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân này, ông Cao Trương Công Bắc (188.185.000.000 VND, Thuyết minh V.3) và khoản tạm ứng của Ông Nguyễn Anh Tuấn (65.815.000.000 VND, Thuyết minh V.5a). Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Lệ Thủy.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị có thể thu hồi

Tập đoàn chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

Tình hình hoạt động của các công ty mà Tập đoàn đang đầu tư

Ngoài Công ty Cổ phần TTP Phú Yên, Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh có hoạt động kinh doanh bình thường với hoạt động chính trong kỳ là sản xuất và bán điện, các đơn vị còn lại đều đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa có kết quả sản xuất kinh doanh.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.977.394.021	7.245.651.761
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.306.856.871	2.348.173.355
Số cuối kỳ	27.284.250.892	9.593.825.116

Dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding được trích lập bổ sung 1.306.856.871 VND căn cứ Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding. Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh chưa có Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2026; Tập đoàn giữ nguyên số dự phòng đã trích lập. Đây là ước tính kế toán quan trọng và có thể thay đổi khi Tập đoàn có đầy đủ thông tin (xem thêm Thuyết minh VIII.5 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán).

Cam kết góp vốn

	Tổng vốn cam kết góp	Số còn phải góp tại 30/09/2026	Ghi chú
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối điện Trường Thành GIP	2.525.000.000	2.474.500.000	Góp theo tiến độ huy động của GIP
Công ty Cổ phần Trường Thành Castrol Gogoro Mobility (công ty con – phần cam kết của Công ty mẹ)	15.000.000.000	14.940.000.000	Góp theo tiến độ theo Điều lệ TTCG
Công ty Cổ phần Trường Thành Castrol Gogoro Mobility (phần cam kết của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành)	5.000.000.000	5.000.000.000	Góp theo tiến độ theo Điều lệ TTCG
BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà	90.000.000.000	42.744.000.000	Góp theo tiến độ Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan về hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp</i>	<i>12.595.147.681</i>	-	<i>8.297.164.619</i>	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	5.452.291.892	-	5.452.291.892	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	141.445.161	-	300.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	6.362.181.818	-	2.544.872.727	-
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	107.951.754	-	-	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải	531.277.056	-	-	-
Phải thu bên liên quan về chuyển nhượng cổ phần	11.200.000.000	-	45.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ⁽ⁱ⁾	-	-	34.600.000.000	-
Ông Lê Hoàng Bảo ⁽ⁱⁱ⁾	11.200.000.000	-	11.200.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác về chuyển nhượng cổ phần ⁽ⁱⁱⁱ⁾	151.066.014.669	-	305.145.561.018	-
Ông Phạm Tiến Quân	26.662.000.018	-	29.187.000.018	-
Ông Lê Quốc Cường	13.954.000.000	-	16.210.000.000	-
Ông Cao Trương Công Bắc	71.563.561.000	-	117.883.036.000	-
Ông Dương Đình Tâm	-	-	37.203.300.000	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	-	59.112.225.000	-
Ông Nguyễn Tùng Lâm	-	-	45.550.000.000	-
Ông Đỗ Văn Quang	37.171.500.000	-	-	-
Các khách hàng khác	1.714.953.651	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	-	-	1.187.678.759	-
Cộng	174.861.162.350	-	360.430.404.396	-

(i) Phải thu theo Hợp đồng ngày 30/12/2025 về việc chuyển nhượng cổ phần 108 Trường Thành. Trong kỳ, Trường Thành Land đã thanh toán thêm cho Tập đoàn 1.100.000.000 VND, phần còn lại được hai bên thống nhất chuyển thành khoản cho vay từ ngày 29/6/2026 (xem thuyết minh V.2a).

(ii) Các khoản phải thu cá nhân về chuyển nhượng cổ phần, chi tiết như sau:

Tên cá nhân	Ngày hợp đồng chuyển nhượng	Loại cổ phần chuyển nhượng	Thời hạn thanh toán
Ông Lê Hoàng Bảo	05/06/2024	2.000.000 cổ phần 108 Trường Thành	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; gia hạn chậm nhất đến ngày 06/07/2027
Ông Phạm Tiến Quân	25/12/2024	3.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Trường Thành Bình Định	Trong vòng 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến ngày 25/09/2027
Ông Lê Quốc Cường	26/06/2025	950.000 cổ phần 108 Trường Thành	Trong vòng 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 22/04/2027.
Ông Cao Trương Công Bắc	01/05/2024	17.280.000 cổ phần Công ty Cổ phần TTP Phú Mỹ	Trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 27/11/2026. Ngày 30/09/2026 đã thanh toán 46.319.475.000 VND bằng hình thức bù trừ (Thuyết minh V.2c)
Ông Dương Đình Tâm	12/03/2024	5.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Lệ Thủy	Đã thanh toán toàn bộ ngày 30/09/2026 bằng hình thức bù trừ (Thuyết minh V.2c)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ông Nguyễn Anh Tuấn	06/06/2024	9.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Kỳ Sơn	Đã thanh toán toàn bộ ngày 30/09/2026 bằng hình thức bù trừ (Thuyết minh V.2c)
Ông Nguyễn Tùng Lâm	12/03/2024	5.000.000 cổ phần Cổ phần Đầu tư Năng lượng Lệ Thủy	Đã thanh toán toàn bộ ngày 30/09/2026 bằng hình thức bù trừ (Thuyết minh V.2c)
Ông Đỗ Văn Quang	26/06/2026	2.410.000 cổ phần 108 Trường Thành	Trong 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Các khoản phải thu này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần đã chuyển nhượng cho đến khi bên mua hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Tập đoàn.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	115.094.899.794	89.078.885.284
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam ("TTVN") ⁽ⁱ⁾	41.230.000.000	41.230.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ⁽ⁱⁱ⁾	73.864.899.794	47.848.885.284
Trả trước cho người bán khác	7.896.756.196	6.857.887.174
Cộng	122.991.655.990	95.936.772.458
Trong đó:	-	-
Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	-

(i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng ngày 30/01/2024 để nhận chuyển nhượng 3.100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ("TTP"). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, số cổ phần này chưa được B.Grimm giải chấp. TTVN và B.Grimm đang tiếp tục làm việc về việc giải chấp và chuyển nhượng cổ phần cho Công ty nhưng chưa đạt được thỏa thuận cuối cùng.

(ii) Ứng trước theo Hợp đồng nguyên tắc tổng thầu ngày 28/5/2023 để thực hiện việc thi công xây dựng công trình Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực Suối nước nóng Hội Vân (Thuyết minh V.6). Dự án được khởi công ngày 06/9/2023 và dự kiến hoàn thành vào Quý III/2027.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan - Tạm ứng	8.519.821.133	-	77.891.208.633	-
Ông Đặng Trần Quyết ⁽ⁱ⁾	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
Bà Đào Thị Thanh Hiền ⁽ⁱⁱ⁾	3.362.144.000	-	3.365.000.000	-
Ông Lê Hoàng Bảo	57.677.133	-	3.611.208.633	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	65.815.000.000	-
Phải thu bên liên quan - tiền lãi ủy thác đầu tư	1.275.041.096	-	2.373.041.096	-
Ông Vương Thành Nam	1.275.041.096	-	2.373.041.096	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	4.735.203.594	-	10.645.881.333	-
Tạm ứng	2.063.504.407	-	10.050.003.850	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ông Trần Nguyễn Anh Tuấn - Tạm ứng thực hiện Dự án Điện gió Trà Vinh	1.411.782.443	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	21.310.000	-	21.110.000	-
Thuế TNDN tạm nộp 1% trên tiền thu trước của khách hàng mua bất động sản tại Onsen Hội Vân	968.147.223	-	499.307.962	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	270.459.521	-	75.459.521	-
Cộng	14.530.065.823	-	90.910.131.062	-
(i) Tạm ứng cho Ông Đặng Trần Quyết – Trưởng phòng Phát triển Dự án tại Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh để phục vụ Dự án Nhà máy điện gió Trường Thành. Thời gian hoàn ứng dự kiến khi dự án hoàn thành.				
(ii) Tạm ứng cho Bà Đào Thị Thanh Hiền để phục vụ Dự án Điện gió Trà Vinh tại vùng biển ngoài khơi huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh.				
(iii) Tạm ứng cho Ông Nguyễn Anh Tuấn để phục vụ Dự án Điện gió Trà Vinh tại vùng biển ngoài khơi huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh.				

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ông Vương Thành Nam (bên liên quan) - Ủy thác đầu tư (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.700.000	-	401.450.000	-
Cộng	30.001.700.000	-	30.401.450.000	-

(*) Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh (Công ty con) ủy thác đầu tư cho Ông Vương Thành Nam theo Hợp đồng ngày 29 tháng 6 năm 2024, để mua 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land (“Trường Thành Land”), với giá mua 24.000 VND/cổ phần. Thời hạn ủy thác là 24 tháng. Hợp đồng ủy thác đầu tư đã được các bên thống nhất gia hạn đến ngày 29 tháng 6 năm 2028.

Ngày 01 tháng 07 năm 2024, Ông Nam đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 1.500.000 cổ phần Trường Thành Land từ Bà Đặng Thu Trang (Bên liên quan của Tập đoàn), giá mua 24.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng mua là 36.000.000.000 VND, thời hạn thanh toán là 02 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phần từ Bên bán sang Bên mua sẽ được thực hiện khi Bên bán được thanh toán đầy đủ giá trị chuyển nhượng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Ông Nam đã thanh toán cho bà Trang số tiền: 30.000.000.000 VND.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân ⁽ⁱ⁾	110.765.211.758	-	105.229.533.721	-
Dự án Nhà máy điện gió TTP Ngân Sơn ⁽ⁱⁱ⁾	1.682.403.843	-	1.682.403.843	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3	-	-	194.444.445	-
Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình - giai đoạn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.452.501.554	-	-	-
Cộng	116.900.117.155	-	107.106.382.009	-

- (i) Là chi phí xây dựng dở dang Phân khu Nhà ở thương mại thuộc Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (“Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân”) do Công ty TNHH Onsen Hội Vân làm chủ đầu tư. Dự án đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 và đã có Văn bản số 986/SXD-QLN ngày 08/08/2025 của Sở Xây dựng về việc thông báo Nhà ở hình thành trong tương lai của dự án đã đủ điều kiện bán hàng. Phân khu nhà ở thương mại dự kiến hoàn thành và bàn giao vào quý III năm 2027.

Toàn bộ chi phí xây dựng dở dang của dự án đã được Công ty TNHH Onsen Hội Vân dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.16b).

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ là 3.443.692.676 VND (6 tháng đầu năm 2025: 2.821.617.226 VND).

- (ii) Là chi phí xây dựng dở dang Nhà máy điện gió TTP Ngân Sơn do Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (công ty con) là chủ đầu tư. Dự án có tổng mức đầu tư là 6.380,39 tỷ VND, hiện đang trong giai đoạn khảo sát, đánh giá hiệu quả để chuẩn bị đầu tư.
- (iii) Là chi phí tư vấn đền bù giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 cho dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình tại tỉnh Hưng Yên do Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành là nhà thầu phụ.

7. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí môi giới bán hàng bất động sản, hỗ trợ lãi suất khách hàng	7.117.662.419	1.084.249.633
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	268.430.232	763.417.479
Cộng	7.386.092.651	1.847.667.112

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”), lãi suất 4,5%/năm, được cầm cố để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Công ty mẹ tại BIDV, bao gồm nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện Hợp đồng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng Nhà máy điện mặt trời Hòa Hội với Công ty Cổ phần TTP Phú Yên - Chi nhánh Phú Yên đến ngày 30/06/2027.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền gửi có số dư gốc và lãi dự thu lần lượt là 2.100.000.000 VND và 13.391.096 VND (Số đầu năm: 2.100.000.000 VND và 12.686.301 VND). Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giải tỏa trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số đầu năm	94.414.795.906	10.466.412.096	141.255.051	105.022.463.053
Mua trong kỳ	-	137.535.000	-	137.535.000
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(94.414.795.906)	-	-	(94.414.795.906)
Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(1.418.534.545)	-	(1.418.534.545)
Số cuối kỳ	-	9.185.412.551	141.255.051	9.326.667.602
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	889.372.273	104.227.273	993.599.546
Chờ thanh lý	-	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn</i>				
Số đầu năm	24.630.714.870	4.680.039.299	111.393.939	29.422.148.108
Khấu hao trong kỳ	1.990.422.515	624.495.280	13.885.416	2.628.803.211
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(26.621.137.385)	-	-	(26.621.137.385)
Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(1.418.534.545)	-	(1.418.534.545)
Số cuối kỳ	-	3.886.000.034	125.279.355	4.011.279.389
<i>Giá trị còn lại</i>				
Số đầu năm	69.784.081.036	5.786.372.797	29.861.112	75.600.314.945
Số cuối kỳ	-	5.299.412.517	15.975.696	5.315.388.213
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Trong kỳ, Công ty mẹ đã thanh lý Xe ô tô Toyota Camry 2.5Q, nguyên giá 1.418.534.545 VND, giá trị ghi sổ 0 VND; với giá thanh lý 280.909.091 VND.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Xe ô tô Mercedes GLS 450	5.700.105.278	(2.185.040.371)	3.515.064.907
Xe ô tô con Audi Q5	2.458.400.000	(798.980.012)	1.659.419.988
Xe ô tô 8 chỗ Toyota Innova	889.372.273	(889.372.273)	-
Tài sản cố định hữu hình khác	278.790.051	(137.886.733)	140.903.318
Cộng	9.326.667.602	(4.011.279.389)	5.315.388.213

Tài sản cố định hữu hình được dùng cầm cố, thế chấp

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, xe ô tô Mercedes GLS 450 và xe ô tô con Audi Q5 được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty mẹ tại ngân hàng (Xem thuyết minh V.16b).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng dở dang của các dự án, gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà máy Điện gió Trà Vinh ⁽ⁱ⁾	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân ⁽ⁱⁱ⁾	Cộng
Số đầu năm	640.070.876	193.222.240.797	193.862.311.673
Chi phí phát sinh trong kỳ	-	34.742.450.159	34.742.450.159
Số cuối kỳ	640.070.876	227.964.690.956	228.604.761.832

- (i) Là chi phí Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Nhà máy Điện gió V4-1, V4-2, V4-3 tỉnh Trà Vinh.
- (ii) Là chi phí đầu tư xây dựng Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân. Dự án đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 với tổng mức đầu tư dự kiến là 726.911.000.000 VND, dự kiến hoàn thành vào Quý III/2027. Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án trong kỳ là 11.434.710.291 VND (6 tháng đầu năm 2026: 6.384.197.382 VND; 6 tháng đầu năm 2025: 3.828.477.088 VND). Toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản của dự án đã được Công ty TNHH Onsen Hội Vân (công ty con) dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.16b).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	11.028.365.509	5.791.613.111
Công ty Cổ phần Điện Thiên Ân	2.268.000.000	2.268.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ An ninh Huy Hùng	1.211.400.000	1.211.400.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Truyền Thông H.T	1.222.410.000	1.022.410.000
Công ty TNHH Naniwa Issui Ryokan	445.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land (bên liên quan) (*)	4.285.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.596.555.509	1.289.803.111
Cộng	11.028.365.509	5.791.613.111
<i>Trong đó:</i>	-	-

Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư

2.234.859.452

626.025.052

(*) Ngày 25 tháng 9 năm 2026, Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land chuyển trả Công ty TNHH Onsen Hội Vân 4.285.000.000 VND; tại ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản này được theo dõi là phải trả người bán, trong khi khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land theo hợp đồng xây lắp là 73.864.899.794 VND (Thuyết minh V.4).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	20.505.289.244	9.930.648.187
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ⁽ⁱ⁾	4.600.000.000	4.600.000.000
Ông Đặng Trần Quyết ⁽ⁱⁱ⁾	2.457.259.127	766.648.640
Bà Đặng Thị Phương Hoa ⁽ⁱⁱ⁾	2.826.913.958	881.638.760
Ông Lê Đình Ngọc ⁽ⁱⁱ⁾	1.134.558.903	1.134.558.903
Ông Mạc Quang Huy ⁽ⁱⁱ⁾	1.257.560.536	820.813.699

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Trần Tuấn Phong ⁽ⁱⁱ⁾	537.718.905	537.718.905
Bà Đào Thị Hồng ⁽ⁱⁱ⁾	2.529.233.891	989.269.280
Ông Vương Thành Nam ⁽ⁱⁱ⁾	5.162.043.924	200.000.000
Trả trước của các khách hàng khác	96.114.787.732	44.600.147.980
Ông Đặng Hồng Lĩnh ⁽ⁱⁱ⁾	5.001.343.073	5.462.047.780
Ông Giáp Đăng Hưng ⁽ⁱⁱ⁾	5.275.935.954	4.540.439.009
Ông Nguyễn Hoàng Quang ⁽ⁱⁱ⁾	6.273.183.150	2.932.805.100
Ông Nguyễn Văn Độ ⁽ⁱⁱ⁾	8.182.889.055	1.255.386.980
Bà Phạm Thùy Linh ⁽ⁱⁱ⁾	7.013.466.010	-
Ông Trần Đức Diễn ⁽ⁱⁱ⁾	5.008.191.872	1.563.113.080
Các khách hàng khác ⁽ⁱⁱ⁾	59.359.778.618	28.846.356.031
Cộng	116.620.076.976	54.530.796.167

Tổng số tiền khách hàng mua nhà Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân đã trả trước tại ngày 30/09/2026 là 112.020.076.976 VND (Số đầu năm: 49.930.796.167 VND).

- (i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng tư vấn ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (“TTP”- Công ty con) với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land (“Trường Thành Land”) để TTP cung cấp dịch vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng Giai đoạn 02 cho Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình, tại xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tổng giá trị hợp đồng trọn gói là 20 tỷ VND. Thời hạn thực hiện hợp đồng dự kiến không quá 12 tháng kể từ ngày TTP nhận được khoản tạm ứng theo Hợp đồng. Tính từ thời điểm tạm ứng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, tổng giá trị doanh thu cung cấp dịch vụ lũy kế đã được Trường Thành Land nghiệm thu theo giai đoạn với TTP là 13,8 tỷ VND. Hợp đồng đang trong quá trình hoàn tất nghiệm thu, dự kiến hoàn thành vào quý IV/2026.
- (ii) Khoản ứng trước liên quan đến hợp đồng mua bán nhà ở Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân. Thời gian dự kiến bàn giao Nhà ở giữa bên Mua và bên Bán là Quý III năm 2027. Toàn bộ các khoản phải thu phát sinh từ Dự án đã được Công ty TNHH Onsen Hội Vân (công ty con) dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.16b).

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Khác (*)	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.270.667.866	158.668.235	9.765.483.217	10.321.673.065	158.668.235	714.478.018
Thuế TNDN	3.195.245.219	-	4.501.199.990	4.013.333.413	(85.056.913)	3.598.054.883
Thuế TNDN tạm nộp hoạt động chuyển nhượng bất động sản	499.307.962	-	468.839.261	200.000.000	-	768.147.223
Thuế thu nhập cá nhân	252.477.793	-	355.212.062	362.014.127	-	245.675.728
Cộng	5.217.698.840	158.668.235	15.090.734.530	14.897.020.605	73.611.322	5.326.355.852

(*) Thay đổi do ngừng hợp nhất kinh doanh.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	12.970.076.919	11.639.842.848
<i>Trong đó chi phí lãi vay phải trả liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định chưa hoàn thành</i>	<i>318.708.231</i>	<i>317.399.093</i>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>310.000.000</i>	<i>310.000.000</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam ("TTVN") ^(*)	310.000.000	310.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.100.650.514</i>	<i>1.955.230.628</i>
Kinh phí công đoàn	246.039.225	132.625.725
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	235.670.400	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.580.000.000	1.780.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	38.940.889	42.604.903
Cộng	<u>2.410.650.514</u>	<u>2.265.230.628</u>

(*) Khoản phải trả liên quan đến cổ tức được chia năm 2023 của 3.100.000 cổ phần TTP chưa được TTVN chuyển quyền sở hữu cho Công ty mẹ (xem Thuyết minh V.4). Khoản cổ tức này sẽ được ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào TTP khi TTVN hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu cổ phần cho Công ty mẹ.

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn tổ chức khác</i>	<i>34.697.520.000</i>	<i>34.817.640.000</i>
B.Grimm Renewable Power 2 Limited ⁽ⁱ⁾	34.697.520.000	34.817.640.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>2.625.134.559</i>	<i>-</i>
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	2.625.134.559	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.16b)</i>	<i>31.870.000.000</i>	<i>52.077.198.154</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	870.000.000	870.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hà Nam	-	10.222.821.096

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	31.000.000.000	40.984.377.058
Cộng	69.192.654.559	86.894.838.154
(i) Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (Công ty con) nhận nợ vay từ B.Grimm Renewable Power 2 Limited theo thỏa thuận vay ngày 01/07/2020 để đổi lại quyền nhận được 3.062.400 cổ phần của Công ty Cổ phần TTP Phú Yên. Tổng giá trị khoản vay là 1.320.000 USD, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày nhận nợ. Khoản vay đã đến hạn vào ngày 01/7/2021, tuy nhiên, các bên chưa làm thủ tục gia hạn và chưa chuyển quyền sở hữu cổ phần TTP Phú Yên. Lãi suất vay năm 2026 là 5,5%/năm (Năm 2025: 5,5%/năm).		
(ii) Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (công ty con) vay theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng của Công ty mẹ ký ngày 02 tháng 06 năm 2026; hợp đồng của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ký ngày 08/9/2026, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ thanh toán lương cho cán bộ nhân viên; ngân hàng giải ngân trực tiếp cho người lao động. Dư nợ tại ngày 30/09/2026: Công ty mẹ 1.999.701.019 VND; Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành 625.433.540 VND. Hợp đồng cấp hạn mức của Công ty mẹ được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan).		

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn tổ chức khác	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	34.817.640.000	-	52.077.198.154	86.894.838.154
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	2.625.134.559	-	2.625.134.559
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	-	(10.222.821.096)	(10.222.821.096)
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	13.075.729.986	13.075.729.986
Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	(120.120.000)	-	-	(120.120.000)
Số tiền vay đã trả	-	-	(23.060.107.044)	(23.060.107.044)
Số cuối kỳ	34.697.520.000	2.625.134.559	31.870.000.000	69.192.654.559

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	163.363.872.842	163.937.508.233
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hà Nam	-	8.445.726.327
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ ⁽ⁱⁱ⁾	1.394.500.000	2.047.000.000
Cộng	164.758.372.842	174.430.234.560

- (i) Công ty TNHH Onsen Hội Vân (Công ty con) vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng ngày 09 tháng 08 năm 2024, hạn mức cho vay 350 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng tính từ ngày tiếp theo giải ngân khoản nợ đầu tiên. Công ty không phải trả gốc vay trong khoảng thời hạn 18 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không quá 31/12/2025. Lãi suất ưu đãi trong 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân đầu tiên là 8,6%/năm. Lãi suất kỳ này là 9,9% - 14%/năm. Mục đích thanh toán các chi phí đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân. Tài sản thế chấp là toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án này; và Quyền sử dụng đất tại xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư Quang Anh Vina.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo các hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2022 và ngày 09/06/2023, mục đích mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền vay và thời hạn vay lần lượt là 3.700.000.000 VND - 84 tháng và 1.700.000.000 VND - 60 tháng. Lãi suất vay lần lượt là 9,9% và 8,5%/năm trong 12 tháng đầu kể từ thời điểm giải ngân, sau đó áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của ngân hàng + biên độ 3,5%/năm, được điều chỉnh 6 tháng/lần. Các khoản vay có tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	31.870.000.000	52.077.198.154
Trên 1 năm đến 5 năm	164.758.372.842	174.430.234.560
Cộng	196.628.372.842	226.507.432.714

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước (*)
Số đầu năm	174.430.234.560	152.029.875.792
Số tiền vay phát sinh	8.441.987.551	21.105.308.608
Tăng do hợp nhất Công ty con	-	18.668.547.399
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(5.038.119.283)	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(13.075.729.986)	(22.568.229.000)
Số cuối kỳ	164.758.372.842	169.235.502.799

(*) Số liệu kỳ trước của chỉ tiêu này là số liệu 6 tháng đầu năm 2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét, do Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2025 không trình bày chi tiết này.

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Thuế thu nhập hoãn lại

17a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh khi hợp nhất kinh doanh. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước (*)
Số đầu năm	372.164.344	154.386.566
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	148.000.000	124.444.444
Số cuối kỳ	520.164.344	278.831.010

17b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phải nộp thuế liên quan hoãn nhập dự phòng tại Công ty con, công ty liên kết khi tiến hành hợp nhất kinh doanh. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước (*)
Số đầu năm	898.671.463	1.077.738.493
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(247.609.342)	(126.669.057)
Số cuối kỳ	651.062.121	951.069.436

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17c. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ này	Kỳ trước (*)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(247.609.342)	(126.669.057)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(148.000.000)	(124.444.444)
Cộng	(395.609.342)	(251.113.501)

(*) Số liệu kỳ trước của chỉ tiêu này là số liệu 6 tháng đầu năm 2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét, do Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2025 không trình bày chi tiết này.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	1.208.065.620.000	3.467.545.239	112.957.091.011	153.590.313.340	1.478.080.569.590
Cổ đông công ty con góp vốn bằng tiền	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	7.207.278.404	2.712.972.543	9.920.250.947
Thay đổi tỷ lệ sở hữu ở các công ty con	-	-	2.410.240.771	14.744.277.170	17.154.517.941
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	26.972.619.498	26.972.619.498
Số dư cuối kỳ trước	1.208.065.620.000	3.467.545.239	122.574.610.186	198.020.182.551	1.532.127.957.976
Số dư đầu năm nay	1.208.065.620.000	3.467.545.239	126.767.016.513	149.647.125.601	1.487.947.307.353
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	10.244.060.661	1.926.593.654	12.170.654.315
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	(30.446.852.811)	(30.446.852.811)
Điều chỉnh số dư lợi nhuận chưa phân phối năm trước tại công ty con (GIP) (*)	-	-	(10.409.653)	-	(10.409.653)
Số dư cuối kỳ này	1.208.065.620.000	3.467.545.239	137.000.667.521	121.126.866.444	1.469.660.699.204

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối Điện Trường Thành GIP ghi nhận bổ sung vào lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 số tiền 10.409.653 VND (thuế TNDN 10.333.895 VND và chi phí trả trước 75.758 VND). Khoản điều chỉnh này đang được ghi nhận toàn bộ vào phần của Công ty mẹ; phần thuộc cổ đông không kiểm soát (97,96%) chưa được phân bổ do không trọng yếu. Số liệu kỳ trước được trình bày theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2025.

18b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.806.562	120.806.562
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	120.806.562	120.806.562
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120.806.562	120.806.562

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

19a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	815.546.880	787.968.000
Trên 1 năm đến 5 năm	3.438.823.680	3.377.756.160
Trên 5 năm	2.084.043.600	2.763.666.000
Cộng	6.338.414.160	6.929.390.160

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng tại tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence (địa chỉ: số 03 Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội) được Công ty mẹ thuê dưới hình thức thuê hoạt động. Diện tích thuê là 180 m2 với thời hạn thuê là 10 năm tính từ ngày 01/01/2024. Giá thuê như sau:

Năm	Giá thuê mặt bằng (VND/m2/tháng)	Phí dịch vụ quản lý (VND/m2/tháng)
Từ năm 2024 đến hết năm 2026	243.200	121.600
Từ năm 2027 đến hết năm 2028	260.224	121.600
Từ năm 2029 đến hết năm 2030	278.464	121.600
Từ năm 2031 đến hết năm 2032	297.920	121.600
Năm 2033	318.835	121.600

19b. Tài sản nhận cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Các tài sản nhận cầm cố, thế chấp và các khoản bảo lãnh nhận được của Tập đoàn liên quan đến các khoản cho vay, phải thu chuyển nhượng cổ phần và hợp tác đầu tư đã được trình bày tại các thuyết minh tương ứng, bao gồm:

Hình thức bảo đảm	Nghĩa vụ được bảo đảm	Tham chiếu
Cầm cố/thế chấp cổ phần	Các khoản cho vay và phải thu chuyển nhượng cổ phần	Thuyết minh V.2a, V.3
Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)	Các khoản cho vay, hợp tác đầu tư	Thuyết minh V.2a, V.2c

19c. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Hàng tồn kho (Xem thuyết minh V.6)	110.765.211.758	105.229.533.721	60 tháng	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Tài sản ngắn hạn khác (xem Thuyết minh số V.8)	2.113.391.096	2.112.686.301	12 tháng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9)	5.174.484.895	5.786.372.797	60 tháng - 84 tháng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (xem thuyết minh V.10)	227.964.690.956	193.222.240.797	60 tháng	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Cộng	346.017.778.705	306.350.833.616		

19d. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 86,80 USD (Số đầu năm: 86,80 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	5.957.362.605	12.383.008.003
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, vận hành và bảo trì nhà máy điện	19.881.483.659	27.647.298.183
Cộng	25.838.846.264	40.030.306.186

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của bán điện thương phẩm	3.768.086.360	6.545.891.960
Giá vốn của dịch vụ tư vấn, vận hành và bảo trì nhà máy điện	13.421.871.212	18.126.847.417
Cộng	17.189.957.572	24.672.739.377

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	15.449.178.890	13.392.405.098
Lãi chuyển nhượng công ty con (Xem thuyết minh I.5a)	3.299.348.318	-
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết (Xem thuyết minh V.2b)	5.188.932.976	-
Cổ tức được chia	-	1.299.999.740
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	48.079.013	143.220
Cộng	23.985.539.197	14.692.548.058

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	2.115.579.489	4.372.718.226
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.315.951.905
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.306.856.871	2.347.684.686
Chi phí tài chính khác	6.000.000	488.669
Cộng	3.428.436.360	8.036.843.486

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.564.518.016	7.482.325.161
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	357.477.550	74.929.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.050.803	623.903.369
Thuế, phí và lệ phí	101.203.534	43.540.000
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	-	2.324.539.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.823.818.385	(*)
Các chi phí khác	2.586.488.447	3.707.489.189
Cộng	13.033.556.735	14.256.726.578

(*) Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2025 trình bày chi phí dịch vụ mua ngoài trong chi tiêu "Các chi phí khác".

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ giao dịch mua rẻ Công ty con	-	5.190.421.728
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	280.909.091	-
Thu nhập khác	2.000	106
Cộng	280.911.091	5.190.421.834

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	10.244.060.661	7.207.278.404
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.244.060.661	7.207.278.404
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	120.806.562	120.806.562
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	85	60

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước (*)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	297.948.810	9.748.194
Chi phí nhân công	7.564.518.016	7.062.840.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.628.803.211	2.796.432.285
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	-	1.646.996.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.943.021.146	13.644.878.375
Chi phí khác	2.789.223.124	1.083.197.527
Cộng	30.223.514.307	26.244.093.583

(*) Số liệu kỳ trước của chỉ tiêu này là số liệu 6 tháng đầu năm 2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét, do Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2025 không trình bày chi tiết này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng được trình bày tại chi tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” (xem Thuyết minh số V.8).

2. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch không bằng tiền sau: (i) chuyển đổi khoản phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land thành khoản cho vay, số tiền 33.500.000.000 VND (Thuyết minh V.2a); (ii) nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Lệ Thủy thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ phải thu và tạm ứng, số tiền 254.000.000.000 VND (Thuyết minh V.2c); (iii) các khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được ngân hàng giải ngân trực tiếp để trả lương cho người lao động, số tiền là: 2.625.134.559 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước (*)
Thu tiền thanh toán theo tiến độ hợp đồng chuyển nhượng bất động sản của:		
Bà Đặng Thị Phương Hoa (Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT)	1.945.275.198	-
Ông Đặng Trần Quyết (Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT)	1.690.610.487	-
Ông Mạc Quang Huy (Thành viên HĐQT)	436.746.837	-
Bà Đào Thị Hồng (Bên liên quan của Thành viên HĐQT)	1.739.964.611	-
Ông Vương Thành Nam (Bên liên quan)	4.962.043.924	-
Các giao dịch khác với Bà Đặng Thị Phương Hoa:		
Cho vay	3.550.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	4.665.000.000	-
Lãi cho vay phải thu	1.097.909.589	1.224.156.164
Các giao dịch khác với Bà Đào Thị Thanh Hiền:		
Thu hồi tiền tạm ứng	2.856.000	-

Số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.2a, V.5a và V.12.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên HĐQT độc lập	-	27.000.000	27.000.000
Ông Đào Xuân Đức	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT độc lập	-	27.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Bà Đặng Bích Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/09/2026)	-	27.000.000	27.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 22/09/2026)	-	-	-
Bà Lê Thủy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	9.000.000	9.000.000
Bà Vương Thị Oanh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	886.761.000	-	886.761.000
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng	361.800.000	-	361.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
		1.248.561.000	234.000.000	1.482.561.000
<i>Kỳ trước</i>				
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Hoàng Mạnh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	27.000.000	27.000.000
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Akahane Seiji	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Hoàng Đình Lợi	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Bà Đào Thị Thanh Hiền	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	27.000.000	27.000.000
Ông Đào Xuân Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	-	27.000.000	27.000.000
Ông Phạm Duy Hoàn	Thành viên Ban Kiểm soát	-	9.000.000	9.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	518.400.000	-	518.400.000
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng	312.300.000	-	312.300.000
Cộng		830.700.000	315.000.000	1.145.700.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn bao gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Công ty liên kết (đến 30/06/2026)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Lệ Thủy	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	Cổ đông lớn/Bên liên quan của Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát	Bên liên quan của Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải	Tập đoàn là cổ đông lớn (sở hữu 15%)
Ông Lê Hoàng Bảo	Thành viên Ban Giám đốc Công ty TNHH Onsen Hội Vân

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho bên liên quan:		-
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên (*)	17.672.727.273	12.956.389.092
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land (*)	130.967.742	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	563.587.544	-
Công ty cổ phần điện gió Trường Thành Duyên Hải	1.514.201.100	-
Sử dụng dịch vụ xây lắp, sửa chữa do bên liên quan cung cấp:		

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	21.350.912.491	47.878.548.366
Nhận chuyển nhượng cổ phần từ bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	-	12.764.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành	-	9.231.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn – cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Lệ Thủy (thanh toán bằng bù trừ công nợ)	124.927.225.000	-
Nhận cổ tức từ:		
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên		1.299.999.740
Thu hồi tiền tạm ứng của:		
Ông Lê Hoàng Bảo	3.553.531.500	
Cho vay:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	52.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	37.350.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	9.050.000.000	-
Lãi cho vay phải thu:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	1.342.630.137	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	870.338.412	-
Vay tiền từ:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	-	231.580.500
Trả tiền vay cho:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	-	19.146.000.000
Lãi vay phải trả:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	-	749.749.887

(*) Số liệu kỳ trước của chỉ tiêu này là số liệu 6 tháng đầu năm 2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét, do Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2025 không trình bày chi tiết này.

Cam kết bảo lãnh từ bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam đã dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 2 tỷ VND (xem Thuyết minh số V.16a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Số dư công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.12 và V.15.

Ngoài các khoản phải thu có tài sản thế chấp hoặc được bảo lãnh như đã trình bày tại thuyết minh V.3, các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực dịch vụ;
- Lĩnh vực sản xuất điện;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính (cho vay và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác);
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực khác.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2025 do Công ty lập; số liệu đầu năm là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán, được điều chỉnh như trình bày dưới đây (nhất quán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2026 đã được soát xét).

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh, trình bày lại, do: (i) áp dụng các quy định của Thông tư 99 và Thông tư 43 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính (xem Thuyết minh số III.1); và (ii) điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2025 do bổ sung dự phòng tổn thất đầu tư và ảnh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan. Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ					
Các khoản tương đương tiền	112	4.850.000.000	(2.100.000.000)	2.750.000.000	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	2.084.000.000	187.818.330.752	189.902.330.752	(ii), (iii)
Các khoản cho vay		165.570.000.000	(165.570.000.000)	-	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	135	113.171.148.115	(22.261.017.053)	90.910.131.062	(iii), (iv)
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	2.112.686.301	2.112.686.301	(i), (iv)
Phải thu dài hạn khác	215	75.401.450.000	(45.000.000.000)	30.401.450.000	(v)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	429.560.605.901	45.000.000.000	474.560.605.901	(v)
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	(9.587.400.442)	(16.389.993.579)	(25.977.394.021)	(vi)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	6.753.167.434	(1.535.468.594)	5.217.698.840	(vii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420	141.621.541.498	(14.854.524.985)	126.767.016.513	(vi), (vii)

- (i) Trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng bị hạn chế sử dụng từ chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền” sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”.
- (ii) Trình bày gốc cho vay từ chỉ tiêu “Các khoản cho vay” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.
- (iii) Trình bày khoản dự thu lãi cho vay từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, số tiền: 22.248.330.752 VND.
- (iv) Trình bày khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng bị hạn chế sử dụng từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”, số tiền: 12.686.301 VND.
- (v) Trình bày khoản BCC không đồng kiểm soát, hưởng lợi nhuận theo kết quả kinh doanh từ chỉ tiêu “Phải thu dài hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.
- (vi) Trích lập bổ sung dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh và Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. (*)
- (vii) Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do ảnh hưởng của khoản dự phòng bổ sung nêu tại (vi) (*).

(*) Ngày 27 tháng 4 năm 2026, sau thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tập đoàn được công bố, Tập đoàn nhận được Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh và Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding, trong đó các công ty này phát sinh lỗ trong năm 2025. Do thông tin này có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2025 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh V.3 và V.5)
- Dự phòng tổn thất các khoản cho vay (Thuyết minh V.2a)
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh V.2c)

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 09 tháng 10 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty mẹ đã ban hành Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐQT về việc chuyển nhượng 15.034.479 cổ phần (19,99% vốn điều lệ) Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh. Giá trị ghi sổ khoản đầu tư tại ngày 30/09/2026 là 300.689.580.000 VND, dự phòng tổn thất đã trích lập 17.006.873.774 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 23 tháng 10 năm 2026

Người lập

Phạm Thị Huệ

Kế toán trưởng

Phạm Thị Huệ

TUQ Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



Hoàng Mạnh Huy

**INTERIM CONSOLIDATED
FINANCIAL STATEMENTS**

**FOR QUARTER III OF THE FISCAL YEAR
ENDING 31 DECEMBER 2026**

**TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. General information	2
3. Report of the Legal Representative	3
4. Interim consolidated statement of financial position as at 30 September 2026	4 - 7
5. Interim consolidated income statement for the period from 01 July 2026 to 30 September 2026	8
6. Interim consolidated cash flow statement for the period from 01 July 2026 to 30 September 2026	9 - 10
7. Notes to the interim consolidated financial statements for the period from 01 July 2026 to 30 September 2026	11 - 55



TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

GENERAL INFORMATION

Business highlights

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (formerly Truong Thanh Energy and Real Estate Joint Stock Company) is a joint stock company operating under Enterprise Registration Certificate No. 0105167260, first issued on 28 February 2011 by the Hanoi Department of Planning and Investment.

The Company has had 25 amendments to its Enterprise Registration Certificate approved by the Hanoi Department of Planning and Investment (now the Hanoi Department of Finance). The 25th amendment, dated 15 January 2026, relates to a change in the Company's name and principal business lines.

Head office

- Address : 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City.
- Telephone : 0242 242 5995

Principal activities of the Company and its subsidiaries (collectively "the Group") during the period: operation and maintenance of solar power plants; construction supervision; real estate business; consulting services; electricity generation and trading; and financial investment.

Board of Directors and Management

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors and the Board of Management of the Company during the period and up to the date of this report include:

Board of Directors

Full name	Position
Mr. Dang Trung Kien	Chairman
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman cum Independent Member
Mr. Dao Xuan Duc	Member
Mr. Le Dinh Ngoc	Member
Mr. Mac Quang Huy	Member
Mr. Ha Ngoc Minh	Independent Member
Mr. Nguyen Anh Tuan	Member

Board of Supervisors

Full name	Position
Ms. Dang Bich Thuy	Head of the Board (dismissed on 21 September 2026)
Ms. Tran Thi Hanh	Head of the Board (Appointed member on 21 September 2026; Appointed Head of the board on 22 September 2026)
Ms. Le Thuy Linh	Member
Ms. Vuong Thi Oanh	Member

Board of Management

Full name	Position
Mr. Hoang Manh Huy	General Director
Mr. Nguyen Quang Vinh	Deputy General Director
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant (dismissed on 08 October 2026)
Ms. Pham Thi Hue	Chief Accountant (appointed on 08 October 2026)

Legal representative

The legal representative of the Company during the period and up to the date of this consolidated report is Mr. Dang Trung Kien – Chairman of the Board of Directors.

Mr. Dang Trung Kien has authorised Mr. Hoang Manh Huy – General Director to sign the interim consolidated financial statements for the period from 01 January 2026 to 30 September 2026 under Power of Attorney No. 57/2024/UQ-TEG dated 19 April 2024.

REPORT OF THE LEGAL REPRESENTATIVE

The Legal Representative of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this report together with the interim consolidated financial statements for the period from 01 January 2026 to 30 September 2026, comprising the interim financial statements of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as "the Group").

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for preparing the interim consolidated financial statements which give a true and fair view of the consolidated financial position, the consolidated results of operations and the consolidated cash flows of the Group for the period. In preparing these interim consolidated financial statements, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the interim consolidated financial statements;
- Prepare the interim consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue in business;
- Design and implement an effective internal control system to limit the risk of material misstatement due to fraud or error in the preparation and presentation of the interim consolidated financial statements.

The Board of Management ensures that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Group and that the accounting records comply with the applicable accounting regime. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Group and hence for taking appropriate steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that it has complied with the above requirements in preparing the interim consolidated financial statements.

Statement of the legal representative

In the opinion of the legal representative, the interim consolidated financial statements give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 30 September 2026, and of its interim consolidated results of operations and interim consolidated cash flows for the period from 01 January 2026 to 30 September 2026, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of interim consolidated financial statements.

For and on behalf of the Legal Representative
General Director



Hoang Manh Huy

23 October 2026

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

(Full form)

As at 30 September 2026

			Closing balance	Opening balance
A - CURRENT ASSETS	100		716,728,117,216	867,445,273,579
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	3,663,970,947	7,575,088,986
1. Cash	111		3,663,970,947	4,825,088,986
2. Cash equivalents	112		-	2,750,000,000
II. Short-term financial investments	120		278,365,907,629	189,902,330,752
1. Trading securities	121		-	-
2. Allowance for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Short-term held-to-maturity investments	123	V.2a	278,365,907,629	189,902,330,752
4. Allowance for short-term held-to-maturity investments	124		-	-
5. Other short-term investments	125		-	-
6. Allowance for impairment of other short-term investments	126		-	-
III. Short-term receivables	130		312,362,884,163	547,257,307,916
1. Short-term trade receivables	131	V.3	174,861,162,350	360,430,404,396
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	122,991,655,990	95,936,772,458
4. Receivables according to the progress of construction contracts	134		-	-
5. Other short-term receivables	135	V.5a	14,530,065,823	90,910,131,062
6. Allowance for short-term doubtful debts	136		(20,000,000)	(20,000,000)
7. Shortage of assets awaiting resolution	137		-	-
IV. Inventories	140		116,900,117,155	107,106,382,009
1. Inventories	141	V.6	116,900,117,155	107,106,382,009
2. Allowance for inventory devaluation	142		-	-
V. Short-term biological assets	150		-	-
1. Short-term livestock raised for one-time harvest	151		-	-
2. Short-term seasonal crops or crops for one-time harvest	152		-	-
3. Allowance for impairment of short-term biological assets	153		-	-
VI. Other current assets	160		5,435,237,322	15,604,163,916
1. Short-term deferred expenses	161		20,943,904	227,735,122
2. Deductible value added tax	162		3,300,902,322	13,105,074,258
3. Taxes and other receivables from the State	163		-	158,668,235
4. Government bond repurchase transactions	164		-	-
5. Other current assets	165	V.8	2,113,391,096	2,112,686,301

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Interim consolidated statement of financial position (continued)

B - NON-CURRENT ASSETS	200		1,137,301,478,387	963,182,968,573
I. Long-term receivables	210		30,001,700,000	30,401,450,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
5. Other long-term receivables	215	V.5b	30,001,700,000	30,401,450,000
6. Allowance for long-term doubtful debts	216		-	-
II. Fixed assets	220		5,315,388,213	75,600,314,945
1. Tangible fixed assets	221	V.9	5,315,388,213	75,600,314,945
- Cost	222		9,326,667,602	105,022,463,053
- Accumulated depreciation	223		(4,011,279,389)	(29,422,148,108)
2. Finance lease fixed assets	224		-	-
- Cost	225		-	-
- Accumulated depreciation	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227		-	-
- Cost	228		-	-
- Accumulated depreciation	229		-	-
III Long-term biological assets	230		-	-
1. Livestock raised for periodic products	231		-	-
a) Immature livestock raised for periodic products	232		-	-
b) Mature livestock raised for periodic products	233		-	-
- Cost	234		-	-
- Accumulated depreciation	235		-	-
2. Long-term livestock raised for one-time harvest	236		-	-
3. Long-term seasonal crops or crops for one-time harvest	237		-	-
4. Allowance for impairment of long-term biological assets	238		-	-
IV. Investment properties	240		-	-
- Cost	241		-	-
- Accumulated depreciation	242		-	-
V. Long-term assets in progress	250		228,604,761,832	193,862,311,673
1. Long-term work in progress	251		-	-
2. Construction in progress	252	V.10	228,604,761,832	193,862,311,673
VI Long-term financial investments	260		865,473,371,347	661,099,060,499
1. Investments in subsidiaries	261		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	262	V.2b	161,941,016,338	212,515,848,619
3. Investments in other entities	263	V.2c	730,816,605,901	474,560,605,901
4. Allowance for impairment of long-term investments in other entities	264	V.2c	(27,284,250,892)	(25,977,394,021)
5. Long-term held-to-maturity investments	265		-	-
6. Allowance for long-term held-to-maturity investments	266		-	-
VII Other non-current assets	270		7,906,256,995	2,219,831,456
1. Long-term deferred expenses	271	V.7	7,386,092,651	1,847,667,112
2. Deferred tax assets	272	V.17a	520,164,344	372,164,344
3. Long-term equipment, supplies and spare parts	273		-	-
4. Other non-current assets	274		-	-
5. Goodwill	279		-	-
TOTAL ASSETS	280		1,854,029,595,603	1,830,628,242,152

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Interim consolidated statement of financial position (continued)

C - LIABILITIES	300	384,368,896,399	342,680,934,799
I. Current liabilities	310	218,959,461,436	167,352,028,776
1. Short-term trade payables	311 V.11	11,028,365,509	5,791,613,111
2. Short-term advances from customers	312 V.12	116,620,076,976	54,530,796,167
3. Dividends and profits payable	313	-	-
4. Short-term taxes and amounts payable to the State	314 V.13	5,326,355,852	5,217,698,840
5. Payables to employees	315	1,411,281,107	1,012,009,028
6. Short-term accrued expenses	316 V.14	12,970,076,919	11,639,842,848
8. Payables according to the progress of construction contracts	318	-	-
9. Short-term unearned revenue	319	-	-
10. Other short-term payables	320 V.15	2,410,650,514	2,265,230,628
11. Short-term borrowings and finance lease liabilities	321 V.16a	69,192,654,559	86,894,838,154
12. Short-term provisions	322	-	-
13. Bonus and welfare fund	323	-	-
14. Price stabilisation fund	324	-	-
15. Government bond repurchase transactions	325	-	-
II. Non-current liabilities	330	165,409,434,963	175,328,906,023
1. Long-term trade payables	331	-	-
2. Long-term advances from customers	332	-	-
3. Long-term taxes and amounts payable to the State	333	-	-
4. Long-term accrued expenses	334	-	-
7. Long-term unearned revenue	337	-	-
8. Other long-term payables	338	-	-
9. Long-term borrowings and finance lease liabilities	339 V.16b	164,758,372,842	174,430,234,560
10. Convertible bonds	340	-	-
11. Preference shares	341	-	-
12. Deferred tax liabilities	342 V.17b	651,062,121	898,671,463
13. Long-term provisions	343	-	-
14. Science and technology development fund	344	-	-

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Interim consolidated statement of financial position (continued)

D - OWNERS' EQUITY	400 V.18	1,469,660,699,204	1,487,947,307,353
1. Owners' contributed capital	411	1,208,065,620,000	1,208,065,620,000
- Ordinary shares with voting rights	411a	1,208,065,620,000	1,208,065,620,000
- Preference shares	411b	-	-
2. Share premium	412	3,467,545,239	3,467,545,239
3. Bond conversion options	413	-	-
4. Other owners' capital	414	-	-
5. Treasury shares	415	-	-
6. Asset revaluation differences	416	-	-
7. Foreign exchange differences	417	-	-
8. Investment and development fund	418	-	-
9. Other funds belonging to owners' equity	419	-	-
10. Undistributed profit after tax	420	137,000,667,521	126,767,016,513
- Undistributed profit after tax accumulated to the end of the prior p	420a	126,756,606,860	126,767,016,513
- Undistributed profit after tax of the current period	420b	10,244,060,661	-
11. Non-controlling interests	429	121,126,866,444	149,647,125,601
TOTAL RESOURCES	440	1,854,029,595,603	1,830,628,242,152

Prepared by



Pham Thi Hue

Chief Accountant



Pham Thi Hue

Prepared on 23 October 2026

For and on behalf of the Legal Representative
General Director


Hoàng Manh Huy

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

INTERIM CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

(Full form)

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

				Quarter III		Accumulated year to date		Unit: VND
				Current year	Prior year	Current year	Prior year	
1.	Revenue from sales and services	01	VI.1	6,613,755,361	15,145,064,418	25,838,846,264	40,030,306,186	
2.	Revenue deductions	02		-	-	-	-	
3.	Net revenue from sales and services	10		6,613,755,361	15,145,064,418	25,838,846,264	40,030,306,186	
4.	Cost of goods sold	11	VI.2	4,407,085,074	8,710,779,505	17,189,957,572	24,672,739,377	
5.	Gross profit from sales and services	20		2,206,670,287	6,434,284,913	8,648,888,692	15,357,566,809	
6.	Profit from investment property disposal	21		-	-	-	-	
7.	Financial income	22	VI.3	6,505,524,415	4,517,553,214	23,985,539,197	14,692,548,058	
8.	Financial expenses	23	VI.4	1,829,678,465	1,252,125,975	3,428,436,360	8,036,843,486	
	Of which: borrowing costs	24		516,821,594	1,252,125,975	2,115,579,489	4,372,718,226	
9.	Selling expenses	25		-	145,000,000	-	150,231,481	
10.	General and administrative expenses	26	VI.5	4,420,624,565	4,177,043,672	13,033,556,735	14,256,726,578	
11.	Share of profit/loss of JVs and associates	27		68,511,146	-	27,734,743	(37,491,701)	
12.	Net operating profit	30		2,530,402,818	5,377,668,480	16,200,169,537	7,568,821,621	
13.	Other income	31	VI.6	2,000	-	280,911,091	5,190,421,834	
14.	Other expenses	32		161,536,528	447,462,582	204,835,665	1,046,021,371	
15.	Other profit	40		(161,534,528)	(447,462,582)	76,075,426	4,144,400,463	
16.	Total accounting profit before tax	50		2,368,868,290	4,930,205,898	16,276,244,963	11,713,222,084	
17.	Current corporate income tax expense	51		(271,275,724)	1,052,383,532	4,501,199,990	2,221,230,283	
18.	Deferred corporate income tax expense	52	V.17	(46,666,667)	(177,145,645)	(395,609,342)	(428,259,146)	
19.	Profit after corporate income tax	60		2,686,810,681	4,054,968,011	12,170,654,315	9,920,250,947	
20.	Attributable to owners of the Parent	61		2,029,406,885	3,444,629,299	10,244,060,661	7,207,278,404	
21.	Attributable to non-controlling interests	62		657,403,796	610,338,712	1,926,593,654	2,712,972,543	
22.	Basic earnings per share	70	VI.7	17	29	85	60	
23.	Diluted earnings per share	71	VI.7	17	29	85	60	

Prepared on 23 October 2026

For and on behalf of the Legal Representative

General Director

Prepared by

Chief Accountant



Pham Thi Hue



Pham Thi Hue



Hoang Manh Huy

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

INTERIM CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

(Full form)

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

				Accumulated year to date	
				Current year	Prior year
I. Cash flows from operating activities					
1. Profit before tax	01		16,276,244,963	11,713,222,084	
2. Adjustments for:					
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02	VI.8	2,628,803,211	6,521,726,090	
- Provisions and allowances	03		1,306,856,871	(40,333,663)	
- Foreign exchange gains/losses on revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	VI.3; VI.4	(48,079,013)	-	
- Gains/losses from investing and financing activities	05		(24,246,104,018)	(14,692,404,838)	
- Borrowing costs	06		2,115,579,489	4,372,718,226	
- Other adjustments	07		-	-	
3. Operating profit before changes in working capital	08		(1,966,698,497)	7,874,927,899	
- Increase/decrease in receivables	09		(18,595,654,142)	68,833,510,087	
- Increase/decrease in inventories	10		(9,793,735,146)	(884,424,790)	
- Increase/decrease in payables	11		68,559,885,799	24,989,851,000	
- Increase/decrease in deferred expenses	12		(5,420,730,220)	627,238,729	
- Increase/decrease in trading securities	13		-	-	
- Borrowing costs paid	14		(857,386,405)	(3,209,882,972)	
- Corporate income tax paid	15		(3,754,828,046)	(3,360,227,888)	
- Other receipts from operating activities	16		-	-	
- Other payments for operating activities	17		-	-	
Net cash flows from operating activities	20		28,170,853,343	94,870,992,065	
II. Cash flows from investing activities					
1. Payments for purchase and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(34,879,985,159)	(54,916,628,886)	
2. Proceeds from disposal of fixed assets and other long-term assets	22		280,909,091	-	
3. Loans granted and purchases of debt instruments of other entities	23		(59,900,000,000)	(58,260,000,000)	
4. Collection of loans and resale of debt instruments of other entities	24		17,136,999,999	40,902,915,800	
5. Payments for investments in other entities	25		(2,256,000,000)	(67,465,568,272)	
6. Proceeds from recovery of investments in other entities	26		57,892,625,942	18,562,491,701	
7. Interest on loans, dividends and profits received	27		2,261,897,219	(1,821,249,016)	
Net cash flows from investing activities	30		(19,463,552,908)	(122,998,038,673)	

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**Interim consolidated cash flow statement (continued)**

		Period from the beginning of the year to the end of	
III. Cash flows from financing activities			
1. Proceeds from issuance of shares and capital contributions from owners	31	-	2,893,700,000
2. Repayment of capital contributions to owners and repurchase of issued shares	32	-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.16 9,007,581,065	66,099,982,547
4. Repayment of borrowing principal	34	V.16 (21,625,999,539)	(30,985,220,507)
5. Repayment of finance lease principal	35	-	-
6. Dividends and profits paid to owners	36	-	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>	<i>(12,618,418,474)</i>	<i>38,008,462,040</i>
Net cash flows during the period	50	(3,911,118,039)	9,881,415,432
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	V.1 7,575,088,986	2,943,829,739
Effect of exchange rate changes on foreign currency transactions	61	-	-
Cash and cash equivalents at the end of the period	70	V.1 <u>3,663,970,947</u>	<u>12,825,245,171</u>

Prepared by



Pham Thi Hue

Chief Accountant



Pham Thi Hue



Prepared on 23 October 2026

For and on behalf of the Legal Representative

General Director

Hoàng Mạnh Huy

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi
 INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
 For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

I. GENERAL INFORMATION**1. Form of ownership**

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is a joint stock company.

2. Operating field

The Group operates in the fields of investment, trading and services.

3. Principal business activities

The principal business activities of the Group during the period include: operation and maintenance of solar power plants; construction supervision; real estate business; consulting services; electricity generation and trading; and financial investment.

4. Normal operating cycle

For service provision and electricity generation, the normal operating cycle of the Group does not exceed 12 months.

For real estate business, the normal operating cycle starts from carrying out the legal procedures for project investment, including obtaining investment approval, site clearance and capital construction, until the products are completed for transfer. Accordingly, the operating cycle of the Group's real estate transfer activities generally ranges from more than 12 months to approximately 36 months.

5. Group structure

The Group comprises the Parent Company and 05 subsidiaries controlled by the Parent Company. All subsidiaries are consolidated in these interim consolidated financial statements.

5a. Information on the Group's restructuring*Divestment and loss of control*

In May 2026, the Group transferred its entire capital contribution in two second-tier subsidiaries, namely Sen Xanh Solar Power Joint Stock Company ("Sen Xanh") and Truong Thanh Green Technology Central Vietnam Joint Stock Company ("TTMT"). From the completion of the transfer, the Group lost control over Sen Xanh and TTMT, and also lost control over the third-tier subsidiaries owned by these two companies. Accordingly, the Group ceased consolidating these companies in the consolidated financial statements from the date of loss of control.

At the date of loss of control, the assets and liabilities of Sen Xanh and TTMT (including the third-tier subsidiaries owned by these two companies) were as follows:

	Sen Xanh	TTMT	Total
<i>Assets</i>	<i>43,184,371,825</i>	<i>33,934,921,992</i>	<i>77,119,293,817</i>
Cash and cash equivalents	343,791,625	904,701,813	1,248,493,438
Held-to-maturity investments	384,000,000	1,700,000,000	2,084,000,000
Short-term trade receivables	895,949,214	820,497,342	1,716,446,556
Short-term deferred expenses	58,579,290	29,973,514	88,552,804
Deductible value added tax	2,195,295,700	1,433,711,226	3,629,006,926
Taxes and other receivables from the State	158,668,235		158,668,235
Other long-term receivables	400,000,000		400,000,000

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the interim consolidated financial statements

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Sen Xanh	TTMT	Total
Cost - Tangible fixed assets	53,846,545,452	40,568,250,454	94,414,795,906
Accumulated depreciation - Tangible fixed assets	(15,098,837,380)	(11,522,300,005)	(26,621,137,385)
Long-term deferred expenses	379.689	87.648	467.337
			-
Liabilities	9,380,091,695	6,292,624,598	15,672,716,293
Short-term trade payables	324,720,000	1,999,000	326,719,000
Short-term taxes and amounts payable to the State	40,728,054	44,328,860	85,056,914
Short-term borrowings and finance lease liabilities	5,846,173,836	4,376,647,260	10,222,821,096
Net assets	33,804,280,130	27,642,297,394	61,446,577,524
Non-controlling interests	16,902,127,088	13,544,725,723	30,446,852,811
Net assets attributable to the Group	16,902,153,042	14,097,571,671	30,999,724,713
Percentage of capital transferred held by the Group	100%	100%	100%
Net assets transferred	16,902,153,042	14,097,571,671	30,999,724,713

Gain on divestment of subsidiaries is as follows:

	Sen Xanh	TTMT	Total
Transfer price	18,590,111,728	15,708,961,303	34,299,073,031
Net assets transferred	16,902,153,042	14,097,571,671	30,999,724,713
Gain on divestment (see Note VI.3)	1,687,958,686	1,611,389,632	3,299,348,318

Net cash inflow from divestment of subsidiaries:

Cash received	32,584,119,380
Cash and cash equivalents of the subsidiaries at the transfer date	(1,248,493,438)
Net cash inflow	31,335,625,942

Capital contribution commitment to establish a subsidiary

Under Resolution of the Board of Directors No. 26/2024/NQ-HĐQT/TEG dated 31 October 2024, the Group participated in establishing Truong Thanh GIP Electricity Investment, Construction and Distribution Joint Stock Company ("GIP") with a total charter capital of VND 5,000,000,000, equivalent to 500.000 shares, of which:

Contributing company	Committed capital		Contributed as at 30/09/2026	Remaining to be contributed
	VND	%		
Parent Company	2,525,000,000	50.5%	50,500,000	2,474,500,000
Truong Thanh Energy Joint Stock Company	25,000,000	0.5%	500.000	24,500,000

New subsidiary established during the period

Under Resolution of the Board of Directors No. 13/2026/NQ-HĐQT dated 08 July 2026, the Group contributed capital to establish Truong Thanh Castrol Gogoro Mobility Joint Stock Company ("TTCG") in Ho Chi Minh City with a charter capital of VND 25,000,000,000 (equivalent to 2,500,000 shares). Of which, the Parent Company committed to contribute VND 15,000,000,000 (60% of charter capital) and Truong Thanh Energy Joint Stock Company (a subsidiary) committed

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi
INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

to contribute VND 5,000,000,000 (20% of charter capital). TTCG was granted its first Enterprise Registration Certificate on 07/08/2026. As at 30 September 2026, the Parent Company had contributed VND 60,000,000 and the other shareholders had not yet contributed capital. TTCG is consolidated in these interim consolidated financial statements from its date of establishment; since only the Parent Company had contributed capital as at the end of the reporting period, the non-controlling interests in TTCG are nil. TTCG had not generated any revenue or expenses during the period.

5b. List of subsidiaries consolidated as at 30 September 2026

Company name	Head office address	Operating status during the period	Benefit ratio		Voting ratio	
			Closing balance	Opening balance	Closing balance	Opening balance
First-tier subsidiaries						
Truong Thanh Energy Joint Stock Company ("TTP")	4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 3 Luong Yen, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam	The company operates normally. Profit is mainly generated from investment activities.	92.11%	92.11%	92.11%	92.11%
Onsen Hoi Van Limited Liability Company ("Onsen HV")	Hoi Van Hamlet, Hoa Hoi Commune, Gia Lai Province, Vietnam	The principal activity during the period is capital construction investment.	65.75%	65.75%	60.00%	60.00%
Truong Thanh GIP Electricity Investment, Construction and Distribution Joint Stock Company	1st Floor, Lot DVCC1-1, Lien Ha Thai Industrial Park (Green iP-1), Thai Thuy Commune, Hung Yen Province, Vietnam	Newly established company, no revenue generated yet	2.04%	2.04%	51.00%	51.00%
Truong Thanh Castrol Gogoro Mobility Joint Stock Company ("TTCG")	No. 22, Street 63, Quarter 14, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Newly established company, no revenue generated yet	100%	-	80.00%	-
Second-tier subsidiary (subsidiary of Truong Thanh Energy Joint Stock Company)						
TTP Tra Vinh Joint Stock Company ("TTP Tra Vinh")	Apartment PG1-10, Vincom Townhouse Area, Quarter 3, Tra Vinh Ward, Vinh Long Province, Vietnam	The principal activity during the period is continuing project investment	94.98%	94.98%	99.00%	99.00%

List of subsidiaries deconsolidated during the period (consolidated up to 31 May 2026)

Company name	Head office address	Operating status during the period	Benefit ratio		Voting ratio	
			Closing balance	Openin g balance	Closing balance	Openin g balance
<i>Second-tier subsidiary (subsidiary of Truong Thanh Energy Joint Stock Company)</i>						
Truong Thanh Green Technology Central Vietnam Joint Stock Company	No. 220, Le Dai Hanh Street, Group 11, Tran Lam Ward, Hung Yen Province, Vietnam	Financial investment		- 46.98%	-	51.00%
Sen Xanh Solar Power Joint Stock Company	No. 220, Le Dai Hanh Street, Group 11, Tran Lam Ward, Hung Yen Province, Vietnam	Financial investment		- 46.06%	-	50,000 0384%

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

Company name	Head office address	Operating status during the period	Benefit ratio		Voting ratio	
			Closing balance	Openin g balance	Closing balance	Openin g balance
<i>Subsidiaries of Truong Thanh Green Technology Central Vietnam Joint Stock Company</i>						
Nhon Tan 1 Solar Power One Member Limited Liability Company	No. 108, Ham Nghi Street, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Electricity generation	-	46.98%	-	100%
Nhon Tan 2 Solar Power One Member Limited Liability Company	No. 396, Tay Son Street, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Electricity generation	-	46.98%	-	100%
Nhon Tan 5 Solar Power One Member Limited Liability Company	Lot 32, Hoang Van Thai, Quy Nhon Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Electricity generation	-	46.98%	-	100%
<i>Subsidiaries of Sen Xanh Solar Power Joint Stock Company</i>						
Sen Xanh Aquila Solar Power Limited Liability Company	No. 6, Street 4A, An Phu An Khanh Area, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation	-	46.06%	-	100%
Sen Xanh Lyra Solar Power Limited Liability Company	154/30/16 Pham Van Hai, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation	-	46.06%	-	100%
Sen Xanh Vega Solar Power Limited Liability Company	22, Street No. 63, Quarter 1, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation	-	46.06%	-	100%
Sen Xanh Vela Solar Power Limited Liability Company	87/42/8 Street 27, An Nhon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation	-	46.06%	-	100%

5c. List of associates accounted for in the interim consolidated financial statements using the equity method

Company name	Head office address	Operating status during the period	Ownership ratio		Voting ratio	
			Closing balance	Opening balance	Closing balance	Opening balance
Dong Hai Wind Power Joint Stock Company	House No. 53E5 (Shophouse No. PG3-17, Vincom area), Hamlet 1, Phuoc Hau Ward, Vinh Long Province, Vietnam	The principal activity during the period is project investment, including advances to individuals to implement the project.	36.00%	36.00%	36.00%	36.00%
108 Truong Thanh Construction Investment Joint Stock Company (an associate until 30/6/2026)	No. 645/9/15, Quang Trung Street, Cam Thanh Ward, Quang Ngai Province, Vietnam	The principal activity during the period is continuing investment in real estate projects	-	30.125%	-	30.125%

6. Number of employees

As at 30 September 2026, the Group had 71 employees (as at 01 January 2026: 61 employees).

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

7. Statement on the comparability of information in the interim consolidated financial statements

The corresponding figures of the prior period are comparable with those of the current period.

During the period, the Group applied for the first time Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 of the Ministry of Finance ("Circular 99"), which replaces Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 ("Circular 200") guiding the Vietnamese Enterprise Accounting System, and Circular No. 43/2026/TT-BTC dated 20 April 2026 of the Ministry of Finance ("Circular 43") amending and supplementing Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 ("Circular 202") guiding the method of preparing and presenting consolidated financial statements. Accordingly, certain line items in the interim consolidated financial statements have been reclassified and renamed in accordance with the new regulations. The "Opening balance" and "Prior period" figures in the interim consolidated financial statements have been re-presented in accordance with the new classification and terminology of Circular 99 and Circular 43 to ensure comparability. These changes do not affect the Group's total assets, total liabilities, owners' equity or profit after tax.

8. Other information

The Parent Company's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) under the ticker symbol "TEG" pursuant to Decision No. 497/QĐ-SGDHCM dated 28/12/2017 of the Ho Chi Minh City Stock Exchange. The first trading date was 09/03/2018. The number of shares listed as at the end of the reporting period is 120,806,562 shares, with a par value of VND 10.000 per share.

II. ACCOUNTING PERIOD AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Accounting period

The Group's annual accounting period begins on 01 January and ends on 31 December each year.

2. Accounting currency

The accounting currency is Vietnam Dong (VND), as transactions are mainly conducted in VND.

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Applicable accounting system

The Group applies Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 ("Circular 99"), the method of preparing and presenting consolidated financial statements issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 ("Circular 202") as amended and supplemented by Circular No. 43/2026/TT-BTC dated 20 April 2026 of the Ministry of Finance ("Circular 43"), and the circulars of the Ministry of Finance guiding the implementation of accounting standards in the preparation and presentation of interim consolidated financial statements.

Adoption of the new enterprise accounting system

The financial year ending 31 December 2026 is the first year in which the Group applies the Enterprise Accounting System under Circular 99, replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014.

The transition to Circular 99 has been carried out using the following methods:

- For changes in accounting policies for which Circular 99 provides specific transition guidance, the Group follows that guidance.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

- For changes in accounting policies for which Circular 99 does not require retrospective or simplified retrospective adjustment, the Group applies the prospective method.

2. Statement of compliance with accounting standards and accounting system

The Board of Management ensures that it has complied with the requirements of Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System issued under Circular 99, the method of preparing and presenting consolidated financial statements issued under Circular 202 as amended and supplemented by Circular 43, and the circulars of the Ministry of Finance guiding the implementation of accounting standards in the preparation and presentation of interim consolidated financial statements.

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the consolidated financial statements

The consolidated financial statements are prepared on the accrual basis (except for information relating to cash flows), under the historical cost convention and on the going concern assumption.

2. Basis of consolidation

The interim consolidated financial statements comprise the interim combined financial statements of the Parent Company and the interim financial statements of its subsidiaries. A subsidiary is an entity controlled by the Parent Company. Control exists when the Parent Company has the power, directly or indirectly, to govern the financial and operating policies of the subsidiary so as to obtain economic benefits from its activities. In assessing control, potential voting rights arising from call options or debt and equity instruments convertible into ordinary shares at the end of the reporting period are taken into account.

The results of operations of subsidiaries acquired or disposed of during the period are included in the interim consolidated income statement from the date of acquisition or up to the date of disposal of the investment in that subsidiary.

The interim financial statements of the Parent Company and its subsidiaries used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply uniform accounting policies for like transactions and events in similar circumstances. Where a subsidiary's accounting policies differ from those applied uniformly within the Group, appropriate adjustments are made to the subsidiary's financial statements before they are used in preparing the interim consolidated financial statements.

Intra-group balances in the statement of financial position, intra-group transactions and unrealised intra-group gains arising from these transactions are eliminated in full. Unrealised losses arising from intra-group transactions are also eliminated unless the cost giving rise to the loss cannot be recovered.

Non-controlling interests represent the share of profit or loss and net assets of subsidiaries not held by the Group and are presented as a separate line item in the interim consolidated income statement and in the interim consolidated statement of financial position (within owners' equity). Non-controlling interests comprise the amount of those interests at the date of the original business combination and the non-controlling shareholders' share of changes in equity since the date of the combination. Losses incurred by a subsidiary are allocated in proportion to the ownership interest of the non-controlling shareholders, even if such losses exceed the non-controlling shareholders' interest in the subsidiary's net assets.

3. Foreign currency transactions

Transactions in foreign currencies are translated at the actual exchange rates ruling at the transaction dates. Balances of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the reporting

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

period (except for foreign currency receivables for which an allowance for doubtful debts has been made) are revalued at the average transfer buying and selling rate of the bank with which the Group regularly transacts (Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam).

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

4. Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, demand deposits and cash in transit. Cash equivalents are short-term investments with a maturity of not more than 3 months from the investment date (from purchase date to maturity date), which are readily convertible to known amounts of cash and are subject to an insignificant risk of conversion into cash at the reporting date. Restricted cash and cash equivalents are not presented under this line item but under "Other current assets" or "Other non-current assets" depending on the restriction period.

5. Financial investments

Held-to-maturity investments

An investment is classified as held to maturity when the Group has the intention and ability to hold it until maturity. Held-to-maturity investments comprise term deposits and loans held to maturity for the purpose of earning periodic interest.

An allowance for held-to-maturity investments is made when there is evidence that part or all of the investment may not be recoverable and the loss can be measured reliably. Increases or decreases in the allowance required at the end of the reporting period are recognised in financial expenses.

Investments in associates

An associate is an entity over which the Group has significant influence but not control over its financial and operating policies. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investee but not to control those policies.

Investments in associates are accounted for using the equity method. Accordingly, an investment in an associate is presented in the interim consolidated financial statements at the initial cost of investment and adjusted for changes in the Group's share of the associate's net assets after the investment date. If the Group's share of losses of an associate equals or exceeds the carrying amount of the investment, the investment is presented in the interim consolidated financial statements at nil, unless the Group has obligations to make payments on behalf of the associate.

The financial statements of associates are prepared for the same accounting period as the Group's interim consolidated financial statements. Where an associate's accounting policies differ from those applied uniformly within the Group, appropriate adjustments are made to the associate's financial statements before they are used in preparing the interim consolidated financial statements.

Unrealised gains and losses arising from transactions with associates are eliminated to the extent of the Group's interest when preparing the interim consolidated financial statements.

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities are investments in equity instruments over which the Group has no control, joint control or significant influence.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognised at cost, comprising the purchase price or capital contribution plus costs directly attributable to the investment (transaction, brokerage, advisory, audit fees, charges, taxes and bank fees, etc.). Where the Group borrows to invest in equity instruments of other entities, borrowing costs are recognised in financial expenses and are not capitalised. For investments made in non-monetary assets, the cost of the investment is recognised at the fair value of the non-monetary assets at the transaction date. After initial recognition, these investments are carried at cost.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi
INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

Dividends and profits for periods before the investment is acquired are accounted for as a reduction of the carrying amount of the investment. Dividends and profits for periods after the investment is acquired are recognised in financial income. Dividends received in shares are tracked only as an increase in the number of shares, with no value recognised.

Allowances for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or where the fair value of the investment can be reliably determined, the allowance is based on the market value of the shares.
- For investments whose fair value cannot be determined at the reporting date, the allowance is made based on the investee's losses, at an amount equal to the Group's percentage of actual contributed charter capital in the investee at the end of the reporting period multiplied (x) by the difference between the owners' actual invested capital and the investee's owners' equity at the same date.

Increases or decreases in the allowance for impairment of investments in equity instruments of other entities required at the end of the reporting period are recognised in financial expenses.

6. Receivables

Receivables are presented at their carrying amounts less allowances for doubtful debts.

Receivables are classified as trade receivables and other receivables according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables of a commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Group and buyers that are independent of the Group.
- Other receivables reflect non-commercial receivables not related to purchase and sale transactions.

Receivables are tracked in detail by counterparty, term and original currency.

Trade receivables and other receivables are classified as current or non-current in the interim consolidated statement of financial position based on their remaining terms at the end of the reporting period.

An allowance for doubtful debts is made for each doubtful receivable after offsetting against payables (if any). The allowance is based on the overdue period or the expected loss, as follows:

- For overdue receivables relating to share transfer receivables: the allowance is based on the expected loss.
- For other overdue receivables:
 - 30% of the value for receivables overdue from 6 months to less than 1 year.
 - 50% of the value for receivables overdue from 1 year to less than 2 years.
 - 70% of the value for receivables overdue from 2 years to less than 3 years.
 - 100% of the value for receivables overdue for 3 years or more.
- For receivables not yet overdue but unlikely to be recovered: the allowance is based on the expected loss.

Increases or decreases in the allowance for doubtful debts at the end of the reporting period are recognised in general and administrative expenses.

7. Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

The Group's inventories comprise only work in progress of real estate projects for which the Group is the investor. Work in progress includes costs directly related to project investment and costs eligible for capitalisation into the project value.

Net realisable value is the estimated selling price of inventories in the normal course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

An allowance for inventory devaluation is made for each item or each service in progress whose cost exceeds its net realisable value. Increases or decreases in the allowance at the end of the reporting period are recognised in cost of goods sold.

8. Deferred expenses

Deferred expenses reflect actual expenses incurred (including prepaid and unpaid expenses) that relate to the results of operations of several accounting periods and are allocated to production and business costs of the relevant accounting periods.

Deferred expenses are classified as short-term (allocation period not exceeding 12 months or within one normal operating cycle) and long-term (allocation period exceeding 12 months or longer than one normal operating cycle) in the statement of financial position. Long-term deferred expenses are not reclassified to short-term deferred expenses when preparing the financial statements.

The Group allocates deferred expenses to production and business costs of each period by selecting appropriate allocation methods and criteria based on the nature and extent of each type of expense.

The Group's prepaid expenses mainly comprise interest rate support costs for customers borrowing from banks to pay for real estate purchases, with support periods ranging from 18 to 24 months, which are transferred to the results of operations of the accounting period in which the apartment is handed over and revenue is recognised.

9. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises all costs incurred by the Group to acquire the asset up to the time the asset is ready for its intended use.

Expenditure incurred after initial recognition is added to the cost of the fixed asset only if it is certain to increase the future economic benefits from the use of the asset. Expenditure that does not meet this condition is recognised as a production and business expense in the period. Regular repair and maintenance costs of tangible fixed assets are recognised as production and business expenses in the period in which they are incurred. For fixed assets that technically require periodic repair and maintenance, significant periodic repair and maintenance costs are recognised as deferred expenses and allocated to production and business expenses until the next periodic repair and maintenance.

When tangible fixed assets are sold or disposed of, their cost and accumulated depreciation are written off and any gain or loss on disposal is recognised in income or expenses for the period.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. Useful lives and depreciation methods are reviewed at least at the end of each financial year and adjusted if necessary. The depreciation periods of tangible fixed assets are as follows:

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

Type of fixed asset	Years
Machinery and equipment	3 – 20
Means of transportation and transmission	10
Office equipment and tools	3

10. Construction in progress

Construction in progress reflects costs directly related to assets under construction and machinery and equipment being installed, including borrowing costs capitalised in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 - Borrowing Costs ("VAS 16"). These assets are recognised at cost and are not depreciated until they are completed, handed over and put into use. Upon completion, all costs are transferred to the appropriate item depending on the actual intended use, including tangible fixed assets, intangible fixed assets, investment properties or inventories, and are depreciated/amortised from the date they are put into use.

Costs of upgrading and renovating fixed assets in progress are accumulated separately and, upon completion, added to the cost of the respective fixed assets.

Regular repair and maintenance costs of fixed assets incurred periodically to keep the assets operating normally are recognised in production and business expenses for the period. For fixed assets that technically require periodic repair and maintenance, the costs incurred are accumulated separately. Upon completion, the costs are transferred to deferred expenses and allocated to production and business expenses until the next maintenance period.

11. Business combinations and goodwill

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination comprises the fair value at the date of exchange of assets given, liabilities incurred or assumed and equity instruments issued by the Group in exchange for control of the acquiree, plus costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets acquired, liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are recognised at their fair values at the date control is obtained.

For business combinations achieved in stages, the cost of the business combination is the sum of the cost of the investment at the date control of the subsidiary is obtained plus the cost of previous investments remeasured at fair value at the date control of the subsidiary is obtained. The difference between the remeasured value and the original cost of the investment is recognised in the results of operations if, before the date control is obtained, the Group had no significant influence over the subsidiary and the investment was accounted for using the cost method. If, before the date control is obtained, the Group had significant influence and the investment was accounted for using the equity method, the difference between the remeasured value and the carrying amount of the investment under the equity method is recognised in the results of operations, and the difference between the carrying amount under the equity method and the original cost of the investment is recognised directly in "Undistributed profit after tax" in the interim consolidated statement of financial position.

The excess of the cost of the business combination over the Group's interest in the net fair value of the identifiable assets, liabilities and contingent liabilities recognised at the date control of the subsidiary is obtained is recognised as goodwill. If the Group's interest in the net fair value of the identifiable assets, liabilities and contingent liabilities recognised at the date control of the subsidiary is obtained exceeds the cost of the business combination, the difference is recognised in the results of operations.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi
INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

Goodwill is amortised on a straight-line basis over 120 months. When there is evidence that the impairment of goodwill exceeds the amortisation amount, the amortisation charge for the period is the impairment loss incurred.

Non-controlling interests at the date of the original business combination are measured at the non-controlling shareholders' proportionate share of the fair value of the assets, liabilities and contingent liabilities recognised.

12. Business cooperation contracts

A business cooperation contract ("BCC") is a contractual arrangement between two or more parties to jointly carry out an economic activity without establishing a separate legal entity. The accounting method applied is determined based on the actual substance of each contract, in particular whether joint control exists. Joint control exists when decisions about the principal activities of the BCC require the unanimous consent of all parties sharing control, irrespective of the capital contribution ratio or the legal form of the contract.

In all cases, when the Group receives cash or assets contributed by other parties to a BCC, the amount received is recognised as a liability and not as owners' equity.

The BCCs in which the Group participates comprise only BCCs without joint control, in which the Group is the contributing party and is entitled to benefits based on the BCC's profit after tax. These BCC contributions are recognised as financial investments and classified as short-term or long-term depending on their remaining terms at the end of the reporting period. Profits shared from BCCs are recognised in financial income when the Group's right to receive them is established. Allowances for impairment (if any) are made in accordance with the policy on allowances for impairment of investments in other entities (see Note IV.3).

13. Liabilities and accrued expenses

Liabilities and accrued expenses are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received. Accrued expenses are recognised based on reasonable estimates of the amounts payable.

Payables are classified as trade payables, accrued expenses and other payables according to the following principles:

- Trade payables reflect payables of a commercial nature arising from the purchase of goods, services or assets from sellers that are independent of the Group.
- Accrued expenses reflect: amounts payable for goods and services received from sellers or provided to buyers during the period but not yet paid due to the absence of sufficient invoices or accounting documents; amounts payable to employees for annual leave; and other production and business expenses that must be accrued in advance (such as costs during seasonal production stoppages and interest expenses payable).
- Other payables reflect non-commercial payables not related to the purchase, sale or provision of goods and services.

Liabilities and accrued expenses are classified as current or non-current in the interim consolidated statement of financial position based on their remaining terms at the end of the reporting period.

14. Dividends and profits payable

Dividends are recognised as a liability when the Group has no right to refuse the obligation to pay dividends to shareholders in accordance with securities laws and the Company's Charter.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

15. Unearned revenue

Unearned revenue includes: amounts paid in advance by customers for one or more accounting periods for the lease of assets; revenue corresponding to the value of goods, services or discounts to be given to customers under customer loyalty programmes; and grants received from the State or other parties relating to assets or income with attached conditions, etc.

Unearned revenue does not include advances received from buyers for which the Group has not yet provided products, goods or services, or uncollected revenue from the leasing of assets or provision of services over multiple periods.

16. Owners' equity

Owners' contributed capital

Owners' contributed capital is recognised at the amount of capital actually contributed by shareholders.

Share premium

Share premium recognised includes:

- The difference between the issue price and the par value of shares on initial or additional issuance.
- The difference between the repurchase price and the reissue price of treasury shares.
- The excess of the principal amount of convertible bonds over the par value of additional shares issued upon conversion, and the entire value of the conversion option transferred to share premium regardless of whether bondholders exercise the option.
- The difference between the capital contribution actually received and the capital under the Company's Charter.

Direct costs related to successful share issuances are deducted from share premium. Costs of unsuccessful share issuances are recognised in financial expenses for the period.

17. Profit distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after appropriations to funds in accordance with the Company's Charter and legal regulations and upon approval by the General Meeting of Shareholders.

Profit distribution to shareholders takes into account non-monetary items included in undistributed profit after tax that may affect cash flows and the ability to pay dividends, such as gains from revaluation of assets contributed as capital, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-monetary items.

18. Revenue and income recognition

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services is recognised when the Group has fulfilled its performance obligations under the contract and all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract allows the buyer to return the services purchased under specific conditions, revenue is recognised only when those conditions no longer exist and the buyer no longer has the right to return the services provided.
- It is probable that the Group will receive the economic benefits associated with the transaction.
- The stage of completion of the transaction at the reporting date can be measured.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

Where services are performed over several periods, revenue recognised in the period is based on the stage of completion at the end of the reporting period.

Revenue from sale of electricity

Revenue from the sale of electricity is recognised based on the confirmed volume of electricity delivered to the national grid at the unit prices stipulated in the economic contracts signed with the member units of the Electricity Corporation.

Interest income

Interest income is recognised on a time-proportion basis using the effective interest rate of each period.

19. Borrowing costs

Borrowing costs comprise interest on borrowings and other costs directly attributable to the borrowings.

Borrowing costs are recognised as expenses in the period in which they are incurred, unless they qualify for capitalisation.

Borrowing costs directly attributable to the construction or production of qualifying assets, which require a substantial period of time (more than 12 months) to get ready for their intended use or sale, are included in the cost of those assets when it is probable that they will result in future economic benefits to the entity and the costs can be measured reliably.

Capitalisation of borrowing costs commences when all three of the following conditions are met:

- Expenditures for the construction or production of the asset have been incurred;
- Borrowing costs have been incurred; and
- Activities necessary to prepare the asset for its intended use or sale are in progress.

Capitalisation is suspended during periods in which construction or production is abnormally interrupted. Capitalisation ceases when substantially all the activities necessary to prepare the asset for its intended use or sale are complete.

For specific borrowings used for the construction or production of qualifying assets, the borrowing costs eligible for capitalisation are the actual borrowing costs incurred less any income from the temporary investment of those borrowings.

For general borrowings partly used for the construction or production of qualifying assets, the amount of borrowing costs eligible for capitalisation is determined by applying a capitalisation rate to the weighted average accumulated expenditures on that asset. The capitalisation rate is the weighted average interest rate of borrowings outstanding during the period, excluding specific borrowings made for the purpose of obtaining a particular asset.

20. Expenses

Expenses are decreases in economic benefits and are recognised when the transaction occurs or when it is reasonably certain that they will be incurred in the future, irrespective of whether payment has been made. Expenses are recognised even if not yet due for payment but are certain to be incurred, in order to ensure the principles of prudence and capital preservation.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

When the Group recognises revenue, it also recognises the corresponding expenses incurred in generating that revenue. Corresponding expenses include expenses of the period in which the revenue is generated and expenses of prior periods or accrued expenses relating to that revenue. Where the matching principle conflicts with the prudence principle, expenses are recognised based on the substance of the transaction and Vietnamese Accounting Standards to ensure that transactions are reflected truly and fairly.

21. Corporate income tax

The Group's accounting policy for corporate income tax follows the Law on Corporate Income Tax No. 67/2025/QH15 dated 14 June 2025, Decree No. 320/2025/NĐ-CP dated 15 December 2025 of the Government detailing certain articles of the Law on Corporate Income Tax, guidance documents of the Ministry of Finance and other relevant legal regulations.

Corporate income tax expense comprises current income tax and deferred income tax.

Current corporate income tax

Current corporate income tax expense is the amount of corporate income tax payable calculated on taxable income for the year at the current corporate income tax rate. Taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting, non-deductible expenses, non-taxable income and tax losses carried forward.

Each quarter, the Group determines and records the provisional corporate income tax payable according to the tax returns. At the end of the financial year, the Group determines the actual corporate income tax payable according to the finalisation return and adjusts the difference against the amounts provisionally recognised during the year.

Deferred income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or recoverable in respect of temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for consolidated financial reporting purposes and their tax bases.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except where they arise from the initial recognition of an asset or liability in a transaction that affects neither accounting profit nor taxable income at the time of the transaction.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences to the extent that it is probable that sufficient future taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised, and for unused tax losses and tax incentives when sufficient future taxable profit is available. Deferred tax assets and liabilities arising from transactions recognised directly in owners' equity are not reflected in deferred corporate income tax expense.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at the end of each reporting period and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates expected to apply to the financial year when the asset is realised or the liability is settled, based on the tax rates and tax laws enacted at the end of the reporting period.

When preparing the statement of financial position, deferred tax assets and deferred tax liabilities are offset when:

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

- The Group has a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities; and
- The deferred tax assets and deferred tax liabilities relate to corporate income taxes levied by the same tax authority:
 - On the same taxable entity; or
 - The Group intends to settle current tax liabilities and current tax assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or deferred tax assets are expected to be settled or recovered.

22. Related parties

Parties are considered to be related if one party has the ability to control or exercise significant influence over the other party in making financial and operating policy decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control.

Related parties of the Group include:

- Corporate shareholders holding direct or indirect voting rights that give them significant influence over the Group, and the subsidiaries and associates of these shareholders;
- Associates of the Group;
- Individuals holding direct or indirect voting rights that give them significant influence over the Company, including members of the Board of Directors and close members of their families;
- Key management personnel having authority and responsibility for planning, directing and controlling the activities of the Company, including key management members and close members of their families;
- Enterprises in which individuals in the above groups hold, directly or indirectly, a sufficient voting interest to exercise significant influence over those enterprises, including enterprises owned by key management personnel or major shareholders of the Company and enterprises that share key management personnel with the Company.

Close members of the family of an individual are those who may influence, or be influenced by, that individual in their dealings with the Group, including parents, spouse, children and siblings.

A related party transaction is a transfer of resources or obligations between related parties, regardless of whether a price is charged.

In considering related party relationships, attention is directed to the substance of the relationship rather than its legal form.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

23. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of an enterprise that is engaged in producing or providing an individual product or service or a group of related products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of an enterprise that is engaged in producing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The nature of risks and returns is the main basis for determining whether the primary segment reporting format is by business segment or by geographical segment. If risks and rates of return are affected predominantly by differences in products and services, the primary format is business segments and the secondary format is geographical segments. Conversely, if risks and rates of return are affected predominantly by differences in geographical areas, the primary format is geographical segments and the secondary format is business segments. The Group's organisational and management structure and internal financial reporting system are the main basis for determining the primary and secondary segment reporting formats.

A segment is reportable when the majority of its revenue is earned from sales and services to external customers and it meets at least one of the following thresholds:

- segment revenue is 10% or more of the total revenue of all segments; or
- segment result is 10% or more of the combined result of all segments in profit or the combined result of all segments in loss (whichever is greater in absolute amount); or
- segment assets are 10% or more of the total assets of all segments.

Segment information is prepared and presented in accordance with the accounting policies adopted for preparing and presenting the Group's consolidated financial statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON ITEMS PRESENTED IN THE INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

1. Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents held by the Group that are not restricted include:

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
Cash on hand	288,972,146	23,572,146
Demand deposits	3,374,998,801	4,801,516,840
- Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	2,702,274,234	3,143,252,323
- Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank	-	1,072,380,762
- Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	634,180,639	506,184,163
- Other banks and institutions	38,543,928	79,699,592
Cash equivalents	-	2,750,000,000
- 3-month term deposits at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	-	2,750,000,000
Total	<u>3,663,970,947</u>	<u>7,575,088,986</u>

2. Financial investments

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)**2a. Short-term held-to-maturity investments**

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Allowance	Cost	Allowance
Term deposits	-	-	2,084,000,000	-
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank	-	-	2,084,000,000	-
Loans to related parties	97,924,654,791	-	15,869,082,188	-
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	15,187,991,777	-	15,869,082,188	-
- Principal	14,155,000,000	-	15,270,000,000	-
- Interest	1,032,991,777	-	599,082,188	-
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company	53,842,630,137	-	-	-
- Principal	52,500,000,000	-	-	-
- Interest	1,342,630,137	-	-	-
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	28,894,032,877	-	-	-
- Principal	28,300,000,000	-	-	-
- Interest	594,032,877	-	-	-
Loans to other organisations and individuals	180,441,252,838	-	171,949,248,564	-
Mr. Duong Anh Nam	20,802,027,397	-	19,364,000,000	-
- Principal	18,000,000,000	-	18,000,000,000	-
- Interest	2,802,027,397	-	1,364,000,000	-
Mr. Le Vu Dung	18,572,947,946	-	17,300,693,151	-
- Principal	17,010,000,000	-	17,010,000,000	-
- Interest	1,562,947,946	-	290,693,151	-
Mr. Vu Bao Long	48,949,912,877	-	45,961,871,781	-
- Principal	39,950,000,000	-	39,950,000,000	-
- Interest	8,999,912,877	-	6,011,871,781	-
Viet My Industrial Construction and Investment Joint Stock Company	38,330,384,657	-	35,678,315,068	-
- Principal	32,740,000,000	-	32,740,000,000	-
- Interest	5,590,384,657	-	2,938,315,068	-
Dong Duong Thang Long Construction and Investment Joint Stock Company	53,785,979,961	-	53,644,368,564	-
- Principal	39,178,000,001	-	42,600,000,000	-
- Interest	14,607,979,960	-	11,044,368,564	-
Total	278,365,907,629	-	189,902,330,752	-

Additional information on loans is as follows:

Borrower	Contract/Purpose	Term	Interest rate per annum	Collateral/Guarantee
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	Contract dated 26/12/2023, for investment purposes	12 months, rolled over until 05/07/2027	10%	Guaranteed by Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company (a related party)

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

Borrower	Contract/Purpose	Term	Interest rate per annum	Collateral/Guarantee
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	Contract dated 21/05/2026, to supplement the borrower's working capital	12 months, due on 20/05/2027	6%	Unsecured
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	Contract dated 04/06/2026, to supplement the borrower's working capital	12 months, due on 04/06/2027	14%	Unsecured
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company	Contract dated 29/06/2026, to supplement the borrower's working capital	12 months, due on 29/06/2027	10%	Guaranteed by Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company (a related party)
Mr. Duong Anh Nam	Contract dated 06/03/2024, for investment purposes	12 months, rolled over until 06/3/2027	8% -12%	1,800,000 shares of Nam Minh Production, Trading and Investment Joint Stock Company owned by Mr. Tran Kim Tuyen
Mr. Le Vu Dung	Contract dated 27/10/2025, for investment purposes	01 year, due on 28/10/2026	10%	Guaranteed by Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company (a related party)
Mr. Vu Bao Long	Contract dated 27/05/2024, for investment purposes	6 months; rolled over within 12 months until 30/11/2026	10%	Guaranteed by Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company (a related party)
Viet My Industrial Construction and Investment Joint Stock Company	Contract dated 02/01/2025, to supplement the borrower's production and business capital	1 year, rolled over within 12 months until 03/01/2027	10% - 12%	Guaranteed by Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company (a related party)
Dong Duong Thang Long Construction and Investment Joint Stock Company (a capital contributor of Onsen Hoi Van)	Contract dated 08/12/2021, to supplement the borrower's working capital	3 months from disbursement, continuously rolled over upon maturity if both parties still wish to borrow and lend	12%	Guaranteed by the borrower's entire capital contribution in the lender (Onsen Hoi Van), equivalent to VND 60 billion; and 5,000,000 shares of Truong Thanh Land Group Joint Stock Company owned by Ms. Dang Thu Trang (a related party of the Group)

Recoverable amount

For term deposits, the recoverable amount is determined at cost.

The Group assesses the recoverable amount of loans based on the borrowers' ability to pay, the recovery period and the related collateral or guarantees.

Allowance for held-to-maturity investments

The Group assesses that these loans are fully recoverable and no allowance for impairment is required.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

2b. Investments in associates

	Dong Hai Wind Power Joint Stock Company	108 Truong Thanh Construction Investment Joint Stock Company	Total
<i>Closing balance</i>			
Cost	162,000,000,000	-	162,000,000,000
Profit arising after the investment date	(58,983,662)	-	(58,983,662)
Total	161,941,016,338	-	161,941,016,338
<i>Opening balance</i>			
Cost	162,000,000,000	39,652,700,000	201,652,700,000
Profit arising after the investment date	(127,494,808)	10,990,643,427	10,863,148,619
Total	161,872,505,192	50,643,343,427	212,515,848,619

Details of the number of shares held by the Group and the corresponding ownership ratios are as follows:

	Closing balance		Opening balance	
	Number of shares	Ownership ratio (%)	Number of shares	Ownership ratio (%)
Dong Hai Wind Power Joint Stock Company	16,200,000	36.00%	16,200,000	36.00%
108 Truong Thanh Construction Investment Joint Stock Company (*)	-	-	2,410,000	30.125%

(*) Pursuant to Resolution of the Board of Directors No. 09/2026/NĐ-HĐQT dated 26 June 2026, the Parent Company transferred 2,410,000 shares of 108 Truong Thanh Construction Investment Joint Stock Company (hereinafter referred to as "108 Truong Thanh shares") to Mr. Do Van Quang at a transfer price of VND 55,791,500,000 (VND 23,150 per share), generating a gain of VND 5,188,932,976 (Note VI.3). Following this transaction, the Group no longer holds any 108 Truong Thanh shares.

As at the end of the reporting period, the Group had completed the procedures for transferring the share ownership to the buyer.

The value of the Group's interests in associates is as follows:

	Dong Hai Wind Power Joint Stock Company (*)	108 Truong Thanh Construction Investment Joint Stock Company	Total
Opening balance	161,872,505,192	50,643,343,427	212,515,848,619
Share of profit/(loss) for the period	68,511,146	(40,776,403)	27,734,743
Carrying amount of interest transferred during the period	-	(50,602,567,024)	(50,602,567,024)
Closing balance	161,941,016,338	-	161,941,016,338

(*) The Group's share of profit in Dong Hai Wind Power Joint Stock Company is determined based on the financial statements for the period from 01 January 2026 to 30 September 2026 prepared by Dong Hai Wind Power Joint Stock Company, which have not been audited or reviewed (9-month profit after tax: VND 190,308,740; the Group's ownership ratio: 36%).

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)*Operations of the associate*

The associate is in the capital construction stage and has not yet commenced production and business operations.

Transactions with the associate

See Note VIII.1b.

2c. Investments in other entities

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Allowance	Cost	Allowance
Huong Hoa Holding Joint Stock Company	40,249,990,000	(10,277,377,118)	40,249,990,000	(8,970,520,247)
TTP Phu Yen Joint Stock Company	73,621,035,901	-	73,621,035,901	-
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power Joint Stock Company	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-
Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company	300,689,580,000	(17,006,873,774)	300,689,580,000	(17,006,873,774)
Le Thuy Energy Investment Joint Stock Company (**)	254,000,000,000	-	-	-
BCC with Duyen Tra Development Investment Joint Stock Company	47,256,000,000	-	45,000,000,000	-
Total	730,816,605,901	(27,284,250,892)	474,560,605,901	(25,977,394,021)

Details of the number of shares held by the Group and the corresponding ownership ratios are as follows:

	Closing balance		Opening balance	
	Number of shares/ capital contribution	Ownership ratio (%)	Number of shares/ capital contribution	Ownership ratio (%)
Huong Hoa Holding Joint Stock Company	4,024,999	19.99%	4,024,999	19.99%
TTP Phu Yen Joint Stock Company	5,765,599	4.99%	5,765,599	4.99%
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power Joint Stock Company	1,500,000	15.00%	1,500,000	15.00%
Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company	15,034,479	19.99%	15,034,479	19.99%
Le Thuy Energy Investment Joint Stock Company (**)	25,400,000	18.14%	-	-
BCC with Duyen Tra Development Investment Joint Stock Company (*)	VND 47.256 billion		VND 45 billion	

(*) Under the business cooperation contract dated 03/12/2025 with Duyen Tra Development Investment Joint Stock Company ("Duyen Tra"), the Parent Company committed to contribute VND 90,000,000,000 to jointly develop the Dong Hai 3 Wind Power Plant Project (extended V3-3

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

location) in Dong Hai Commune, Vinh Long Province, with a cooperation term of 05 years. The cooperation is guaranteed by all lawful assets of Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company. The BCC is managed and operated by Duyen Tra; the Parent Company has no joint control and is entitled to benefits based on the BCC's profit after tax. The Parent Company's capital contribution ratio in the project will be agreed by the parties after the total investment of the project is approved by the competent authority.

As at the date of these interim consolidated financial statements, the BCC is in the survey and study stage and has not commenced production and business activities.

(**) On 30 September 2026, Truong Thanh Energy Joint Stock Company (a subsidiary) acquired shares equivalent to 18.14% of the charter capital of Le Thuy Energy Investment Joint Stock Company from individuals Mr. Duong Dinh Tam, Mr. Nguyen Tung Lam and Mr. Nguyen Anh Tuan under Contract No. 01/2026/HĐCN/TTP-NLLT, with a total transfer value of VND 254,000,000,000. Payment was made by offsetting against the share transfer receivables from these individuals and Mr. Cao Truong Cong Bac (VND 188,185,000,000, Note V.3) and the advance to Mr. Nguyen Anh Tuan (VND 65,815,000,000, Note V.5a). The Group does not have significant influence over Le Thuy Energy Investment Joint Stock Company.

Recoverable amount

The Group has not determined the recoverable amount of unlisted investments as there is no specific guidance on determining the recoverable amount.

Operations of the investees

Except for TTP Phu Yen Joint Stock Company and Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company, which operate normally with electricity generation and sale as their principal activity during the period, the remaining investees are in the capital construction stage and have not yet generated operating results.

Allowance for investments in other entities

Movements in the allowance for investments in other entities are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
Opening balance	25,977,394,021	7,245,651,761
Allowance made during the period	1,306,856,871	2,348,173,355
Closing balance	27,284,250,892	9,593,825,116

An additional allowance of VND 1,306,856,871 for the investment in Huong Hoa Holding Joint Stock Company was made based on the financial statements of Huong Hoa Holding Joint Stock Company as at 30 September 2026. Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company does not yet have financial statements as at 30 September 2026; the Group has maintained the allowance previously made. This is a significant accounting estimate and may change when the Group obtains complete information (see also Note VIII.5 on the transfer of shares in Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company after the end of the reporting period).

Capital contribution commitments

	<u>Total committed capital</u>	<u>Remaining to be contributed as at 30/09/2026</u>	<u>Notes</u>
Truong Thanh GIP Electricity Investment, Construction and Distribution Joint Stock Company	2,525,000,000	2,474,500,000	Contributed in line with GIP's capital call schedule

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

Truong Thanh Castrol Gogoro Mobility Joint Stock Company (subsidiary – Parent Company's commitment)	15,000,000,000	14,940,000,000	Contributed according to the schedule under TTCG's Charter
Truong Thanh Castrol Gogoro Mobility Joint Stock Company (commitment of Truong Thanh Energy Joint Stock Company)	5,000,000,000	5,000,000,000	Contributed according to the schedule under TTCG's Charter
BCC with Duyen Tra Development Investment Joint Stock Company	90,000,000,000	42,744,000,000	Contributed according to the progress of the Dong Hai 3 Wind Power Plant Project

3. Short-term trade receivables

	Closing balance		Opening balance	
	Carrying amount	Allowance	Carrying amount	Allowance
<i>Receivables from related parties for goods and services provided</i>	<i>12,595,147,681</i>	-	<i>8,297,164,619</i>	-
Truong Thanh Vietnam Industrial Joint Stock Company	5,452,291,892	-	5,452,291,892	-
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company	141,445,161	-	300,000,000	-
TTP Phu Yen Joint Stock Company	6,362,181,818	-	2,544,872,727	-
Dong Hai Wind Power Joint Stock Company	107,951,754	-	-	-
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power Joint Stock Company	531,277,056	-	-	-
<i>Receivables from related parties for share transfers</i>	<i>11,200,000,000</i>	-	<i>45,800,000,000</i>	-
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company ⁽ⁱ⁾	-	-	34,600,000,000	-
Mr. Le Hoang Bao ⁽ⁱⁱ⁾	11,200,000,000	-	11,200,000,000	-
<i>Receivables from other customers for share transfers ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>151,066,014,669</i>	-	<i>305,145,561,018</i>	-
Mr. Pham Tien Quan	26,662,000,018	-	29,187,000,018	-
Mr. Le Quoc Cuong	13,954,000,000	-	16,210,000,000	-
Mr. Cao Truong Cong Bac	71,563,561,000	-	117,883,036,000	-
Mr. Duong Dinh Tam	-	-	37,203,300,000	-
Mr. Nguyen Anh Tuan	-	-	59,112,225,000	-
Mr. Nguyen Tung Lam	-	-	45,550,000,000	-
Mr. Do Van Quang	37,171,500,000	-	-	-
Other customers	1,714,953,651	-	-	-
<i>Receivables from other customers</i>	<i>-</i>	-	<i>1,187,678,759</i>	-

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Closing balance		Opening balance	
	Carrying amount	Allowance	Carrying amount	Allowance
Total	174,861,162,350	-	360,430,404,396	-

(i) Receivable under the contract dated 30/12/2025 for the transfer of 108 Truong Thanh shares. During the period, Truong Thanh Land paid an additional VND 1,100,000,000 to the Group, and the remaining balance was agreed by both parties to be converted into a loan from 29/6/2026 (see Note V.2a).

(ii) Receivables from individuals for share transfers are detailed as follows:

Name of individual	Transfer contract date	Shares transferred	Payment term
Mr. Le Hoang Bao	05/06/2024	2,000,000 shares of 108 Truong Thanh	Within 90 days from the contract date; extended until no later than 06/07/2027
Mr. Pham Tien Quan	25/12/2024	3,800,000 shares of Truong Thanh Binh Dinh Joint Stock Company	Within 09 months from the contract date; extended until no later than 25/09/2027
Mr. Le Quoc Cuong	26/06/2025	950,000 shares of 108 Truong Thanh	Within 300 days from the contract date; extended until no later than 22/04/2027.
Mr. Cao Truong Cong Bac	01/05/2024	17,280,000 shares of TTP Phu My Joint Stock Company	Within 180 days from the contract date; extended until no later than 27/11/2026. On 30/09/2026, VND 46,319,475,000 was settled by offsetting (Note V.2c)
Mr. Duong Dinh Tam	12/03/2024	5,000,000 shares of Le Thuy Energy Investment Joint Stock Company	Fully settled on 30/09/2026 by offsetting (Note V.2c)
Mr. Nguyen Anh Tuan	06/06/2024	9,800,000 shares of Ky Son Solar Power Joint Stock Company	Fully settled on 30/09/2026 by offsetting (Note V.2c)
Mr. Nguyen Tung Lam	12/03/2024	5,000,000 shares of Le Thuy Energy Investment Joint Stock Company	Fully settled on 30/09/2026 by offsetting (Note V.2c)
Mr. Do Van Quang	26/06/2026	2,410,000 shares of 108 Truong Thanh	Within 12 months from the effective date of the contract.

These receivables are secured by all of the transferred shares until the buyers fulfil their payment obligations to the Group.

4. Short-term prepayments to suppliers

	Closing balance	Opening balance
<i>Prepayments to related parties</i>	<i>115,094,899,794</i>	<i>89,078,885,284</i>
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company ("TTVN") ⁽ⁱ⁾	41,230,000,000	41,230,000,000
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company ⁽ⁱⁱ⁾	73,864,899,794	47,848,885,284
<i>Prepayments to other suppliers</i>	<i>7,896,756,196</i>	<i>6,857,887,174</i>
Total	122,991,655,990	95,936,772,458
<i>Of which:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Advances for the purchase and construction of fixed assets and investment properties	-	-

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the interim consolidated financial statements

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

- (i) Advance under the contract dated 30/01/2024 for the acquisition of 3,100,000 shares of Truong Thanh Energy Joint Stock Company ("TTP"). As at the date of these financial statements, these shares have not yet been released from pledge by B.Grimm. TTVN and B.Grimm are continuing discussions on the release and transfer of the shares to the Company but have not yet reached a final agreement.
- (ii) Advance under the principal general contractor agreement dated 28/5/2023 for the construction of the Hoi Van Hot Spring Resort, Healthcare and Residential Area (Note V.6). The project commenced on 06/9/2023 and is expected to be completed in Quarter III/2027.

5. Other receivables**5a. Other short-term receivables**

	Closing balance		Opening balance	
	Carrying amount	Allowance	Carrying amount	Carrying Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	<i>8,519,821,133</i>	-	<i>77,891,208,633</i>	-
- <i>Advances</i>				
Mr. Dang Tran Quyet ⁽ⁱ⁾	5,100,000,000	-	5,100,000,000	-
Ms. Dao Thi Thanh Hien ⁽ⁱⁱ⁾	3,362,144,000	-	3,365,000,000	-
Mr. Le Hoang Bao	57,677,133	-	3,611,208,633	-
Mr. Nguyen Anh Tuan ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	65,815,000,000	-
<i>Receivables from related parties</i>	<i>1,275,041,096</i>	-	<i>2,373,041,096</i>	-
- <i>investment trust interest</i>				
Mr. Vuong Thanh Nam	1,275,041,096	-	2,373,041,096	-
<i>Receivables from other organisations and individuals</i>	<i>4,735,203,594</i>	-	<i>10,645,881,333</i>	-
Advances	2,063,504,407	-	10,050,003,850	-
Mr. Tran Nguyen Anh Tuan - Advance for the Tra Vinh Wind Power Project	1,411,782,443	-	-	-
Deposits, collateral and mortgages	21,310,000	-	21,110,000	-
Provisional CIT paid at 1% on advances received from customers purchasing real estate at Onsen Hoi Van	968,147,223	-	499,307,962	-
Other short-term receivables	270,459,521	-	75,459,521	-
Total	14,530,065,823	-	90,910,131,062	-

- (i) Advance to Mr. Dang Tran Quyet – Head of Project Development Department at TTP Tra Vinh Joint Stock Company for the Truong Thanh Wind Power Plant Project. The advance is expected to be settled upon completion of the project.
- (ii) Advance to Ms. Dao Thi Thanh Hien for the Tra Vinh Wind Power Project in the offshore area of Duyen Hai District, Tra Vinh Province.
- (iii) Advance to Mr. Nguyen Anh Tuan for the Tra Vinh Wind Power Project in the offshore area of Duyen Hai District, Tra Vinh Province.

5b. Other long-term receivables

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Closing balance		Opening balance	
	Carrying amount	Allowance	Carrying amount	Allowance
Mr. Vuong Thanh Nam (a related party) – Entrusted investment ^(*)	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-
Deposits, collateral and mortgages	1,700,000	-	401,450,000	-
Total	30,001,700,000	-	30,401,450,000	-

(*) TTP Tra Vinh Joint Stock Company (a subsidiary) entrusted Mr. Vuong Thanh Nam with an investment under a contract dated 29 June 2024 to purchase 1,500,000 shares of Truong Thanh Land Group Joint Stock Company ("Truong Thanh Land") at a price of VND 24,000 per share. The investment term is 24 months. The parties have agreed to extend the entrusted investment contract until 29 June 2028.

On 01 July 2024, Mr. Nam signed a contract to acquire 1,500,000 shares of Truong Thanh Land from Ms. Dang Thu Trang (a related party of the Group) at VND 24,000 per share, with a total contract value of VND 36,000,000,000 and a payment term of 02 years from the effective date of the contract. Share ownership will be transferred from the seller to the buyer when the seller has been paid the full transfer value. As at the date of these financial statements, Mr. Nam has paid Ms. Trang VND 30,000,000,000.

6. Inventories

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Allowance	Cost	Allowance
Hoi Van Resort Project ⁽ⁱ⁾	110,765,211,758	-	105,229,533,721	-
TTP Ngan Son Wind Power Plant Project ⁽ⁱⁱ⁾	1,682,403,843	-	1,682,403,843	-
Dong Hai 3 Wind Power Plant Project	-	-	194,444,445	-
LNG Thai Binh Thermal Power Plant Project - Phase 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4,452,501,554	-	-	-
Total	116,900,117,155	-	107,106,382,009	-

- (i) Represents construction in progress of the Commercial Housing Subdivision of the Hoi Van Hot Spring Resort, Healthcare and Residential Area Project in Cat Hiep Commune, Phu Cat District, Binh Dinh Province (the "Hoi Van Resort Project"), invested by Onsen Hoi Van Limited Liability Company. The project was granted investment policy approval by the People's Committee of Binh Dinh Province under Decision No. 4622/QĐ-UBND dated 19/11/2021, and the Department of Construction issued Official Letter No. 986/SXD-QLN dated 08/08/2025 notifying that the off-plan housing of the project is eligible for sale. The Commercial Housing Subdivision is expected to be completed and handed over in Quarter III of 2027.

All construction in progress costs of the project have been pledged by Onsen Hoi Van Limited Liability Company as collateral for the loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (see Note V.16b).

Borrowing costs capitalised into work in progress during the period amounted to VND 3,443,692,676 (the first 6 months of 2025: VND 2,821,617,226).

- (ii) Represents construction in progress of the TTP Ngan Son Wind Power Plant, invested by Truong Thanh Energy Joint Stock Company (a subsidiary). The project has a total investment of VND

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

6,380.39 billion and is currently in the survey and feasibility assessment stage in preparation for investment.

- (iii) Represents consulting costs for compensation and site clearance for Phase 2 of the LNG Thai Binh Thermal Power Plant Project in Hung Yen Province, for which Truong Thanh Energy Joint Stock Company is a subcontractor.

7. Long-term deferred expenses

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
Real estate sales brokerage costs and customer interest rate support	7,117,662,419	1,084,249,633
Other long-term deferred expenses	268,430,232	763,417,479
Total	7,386,092,651	1,847,667,112

8. Other current assets

Represents a 3-month term deposit at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam ("BIDV") at an interest rate of 4.5% per annum, pledged to secure all obligations of the Parent Company at BIDV, including the performance guarantee obligation under the operation and maintenance service contract for the Hoa Hoi Solar Power Plant with TTP Phu Yen Joint Stock Company - Phu Yen Branch until 30 June 2027.

As at the end of the reporting period, the principal and accrued interest of the deposit were VND 2,100,000,000 and VND 13,391,096 respectively (opening balance: VND 2,100,000,000 and VND 12,686,301). The Board of Management assesses that this deposit will be released within 12 months from the end of the reporting period.

9. Tangible fixed assets

	<u>Machinery and equipment</u>	<u>Means of transportation and transmission</u>	<u>Office equipment and tools</u>	<u>Total</u>
Cost				
Opening balance	94,414,795,906	10,466,412,096	141,255,051	105,022,463,053
Purchases during the period	-	137,535,000	-	137,535,000
Decrease due to divestment of subsidiaries	(94,414,795,906)	-	-	(94,414,795,906)
Disposals (*)	-	(1,418,534,545)	-	(1,418,534,545)
Closing balance	-	9,185,412,551	141,255,051	9,326,667,602
Of which:				
Fully depreciated but still in use	-	889,372,273	104,227,273	993,599,546
Awaiting disposal	-	-	-	-
Accumulated depreciation				
Opening balance	24,630,714,870	4,680,039,299	111,393,939	29,422,148,108
Depreciation for the period	1,990,422,515	624,495,280	13,885,416	2,628,803,211
Decrease due to divestment of subsidiaries	(26,621,137,385)	-	-	(26,621,137,385)
Disposals (*)	-	(1,418,534,545)	-	(1,418,534,545)
Closing balance	-	3,886,000,034	125,279,355	4,011,279,389

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Machinery and equipment	Means of transportation and transmission	Office equipment and tools	Total
<i>Net book value</i>				
Opening balance	69,784,081,036	5,786,372,797	29,861,112	75,600,314,945
Closing balance	-	5,299,412,517	15,975,696	5,315,388,213
<i>Of which:</i>				
Temporarily idle	-	-	-	-
Awaiting disposal	-	-	-	-

(*) During the period, the Parent Company disposed of a Toyota Camry 2.5Q car with a cost of VND 1,418,534,545 and a carrying amount of VND 0, at a disposal price of VND 280,909,091.

As at the end of the reporting period, the list of tangible fixed assets is as follows:

	Cost	Accumulated depreciation	Net book value
Mercedes GLS 450 car	5,700,105,278	(2,185,040,371)	3,515,064,907
Audi Q5 car	2,458,400,000	(798,980,012)	1,659,419,988
Toyota Innova (8-seat) car	889,372,273	(889,372,273)	-
Other tangible fixed assets	278,790,051	(137,886,733)	140,903,318
Total	9,326,667,602	(4,011,279,389)	5,315,388,213

Tangible fixed assets pledged or mortgaged

As at the end of the reporting period, the Mercedes GLS 450 car and the Audi Q5 car were mortgaged to secure the Parent Company's bank loan (see Note V.16b).

10. Construction in progress

Represents construction in progress of the following projects:

	Tra Vinh Wind Power Plant ⁽ⁱ⁾	Hoi Van Resort Project ⁽ⁱⁱ⁾	Total
Opening balance	640,070,876	193,222,240,797	193,862,311,673
Costs incurred during the period	-	34,742,450,159	34,742,450,159
Closing balance	640,070,876	227,964,690,956	228,604,761,832

(i) Represents consulting costs for preparing the pre-feasibility study report for the V4-1, V4-2 and V4-3 Wind Power Plant Project in Tra Vinh Province.

(ii) Represents investment costs of the Hoi Van Resort Project. The project was granted investment policy approval by the People's Committee of Binh Dinh Province under Decision No. 4622/QĐ-UBND dated 19/11/2021, with an estimated total investment of VND 726,911,000,000, and is expected to be completed in Quarter III of 2027.

Borrowing costs capitalised into construction in progress of the project during the period amounted to VND 11,434,710,291 (first 6 months of 2026: VND 6,384,197,382; first 6 months of 2025: VND 3,828,477,088).

All capital construction costs of the project have been pledged by Onsen Hoi Van Limited Liability Company (a subsidiary) as collateral for the loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (see Note V.16b).

11. Short-term trade payables

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Closing balance	Opening balance
<i>Payables to other suppliers</i>	<i>11,028,365,509</i>	<i>5,791,613,111</i>
Thien An Electricity Joint Stock Company	2,268,000,000	2,268,000,000
Huy Hung Security Services Joint Stock Company	1,211,400,000	1,211,400,000
H.T Trading, Services and Communications Company Limited	1,222,410,000	1,022,410,000
Naniwa Issui Ryokan Company Limited	445,000,000	-
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company (a related party) (*)	4,285,000,000	-
Other suppliers	1,596,555,509	1,289,803,111
Total	11,028,365,509	5,791,613,111
<i>Of which:</i>	-	-

Payables to suppliers for the purchase and construction of fixed assets and investment properties

2,234,859,452 626,025,052

(*) On 25 September 2026, Truong Thanh Land Group Joint Stock Company transferred VND 4,285,000,000 to Onsen Hoi Van Limited Liability Company; as at the end of the reporting period, this amount is recorded as a trade payable, while the prepayment to Truong Thanh Land Group Joint Stock Company under the construction contract amounts to VND 73,864,899,794 (Note V.4).

The Company has no overdue trade payables.

12. Advances from customers

	Closing balance	Opening balance
<i>Advances from related parties</i>	<i>20,505,289,244</i>	<i>9,930,648,187</i>
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company ⁽ⁱ⁾	4,600,000,000	4,600,000,000
Mr. Dang Tran Quyet ⁽ⁱⁱ⁾	2,457,259,127	766,648,640
Ms. Dang Thi Phuong Hoa ⁽ⁱⁱ⁾	2,826,913,958	881,638,760
Mr. Le Dinh Ngoc ⁽ⁱⁱ⁾	1,134,558,903	1,134,558,903
Mr. Mac Quang Huy ⁽ⁱⁱ⁾	1,257,560,536	820,813,699
Mr. Tran Tuan Phong ⁽ⁱⁱ⁾	537,718,905	537,718,905
Ms. Dao Thi Hong ⁽ⁱⁱ⁾	2,529,233,891	989,269,280
Mr. Vuong Thanh Nam ⁽ⁱⁱ⁾	5,162,043,924	200,000,000
<i>Advances from other customers</i>	<i>96,114,787,732</i>	<i>44,600,147,980</i>
Mr. Dang Hong Linh ⁽ⁱⁱ⁾	5,001,343,073	5,462,047,780
Mr. Giap Dang Hung ⁽ⁱⁱ⁾	5,275,935,954	4,540,439,009
Mr. Nguyen Hoang Quang ⁽ⁱⁱ⁾	6,273,183,150	2,932,805,100
Mr. Nguyen Van Do ⁽ⁱⁱ⁾	8,182,889,055	1,255,386,980
Ms. Pham Thuy Linh ⁽ⁱⁱ⁾	7,013,466,010	-
Mr. Tran Duc Dien ⁽ⁱⁱ⁾	5,008,191,872	1,563,113,080
Other customers ⁽ⁱⁱ⁾	59,359,778,618	28,846,356,031
Total	116,620,076,976	54,530,796,167

The total amount paid in advance by home buyers of the Hoi Van Resort Project as at 30/09/2026 is VND 112,020,076,976 (opening balance: VND 49,930,796,167).

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

- (i) Advance under the consulting contract dated 14 April 2025 between Truong Thanh Energy Joint Stock Company ("TTP" - a subsidiary) and Truong Thanh Land Group Joint Stock Company ("Truong Thanh Land") for TTP to provide compensation and site clearance services for Phase 02 of the LNG Thai Binh Thermal Power Plant Project in Thai Do Commune, Thai Thuy District, Thai Binh Province. The total lump-sum contract value is VND 20 billion. The contract is expected to be performed within 12 months from the date TTP receives the advance under the contract. From the advance date to the end of the reporting period, the cumulative service revenue accepted in stages by Truong Thanh Land with TTP amounted to VND 13.8 billion. The contract is in the process of final acceptance, expected to be completed in Quarter IV/2026.
- (ii) Advances relating to housing sale and purchase contracts of the Hoi Van Resort Project. The houses are expected to be handed over from the seller to the buyers in Quarter III of 2027. All receivables arising from the project have been pledged by Onsen Hoi Van Limited Liability Company (a subsidiary) as collateral for the loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (see Note V.16b).

13. Taxes and amounts payable to the State

	Opening balance		Incurred during the period			Closing balance
	Payable	Receivable	Payable	Paid	Other (*)	Payable
VAT on domestic sales	1,270,667,866	158,668,235	9,765,483,217	10,321,673,065	158,668,235	714,478,018
Corporate income tax	3,195,245,219	-	4,501,199,990	4,013,333,413	(85,056,913)	3,598,054,883
Provisional CIT on real estate transfer activities	499,307,962	-	468,839,261	200,000,000	-	768,147,223
Personal income tax	252,477,793	-	355,212,062	362,014,127	-	245,675,728
Total	5,217,698,840	158,668,235	15,090,734,530	14,897,020,605	73,611,322	5,326,355,852

(*) Change due to deconsolidation.

Value added tax

The Group companies pay value added tax under the deduction method at rates of 8% and 10%.

Corporate income tax

The Group companies are required to pay corporate income tax on taxable income at a rate of 20%. The determination of corporate income tax payable by the Group companies is based on current tax regulations. However, these regulations change from time to time and tax regulations applicable to various types of transactions may be interpreted in different ways. Accordingly, the tax amounts presented in the consolidated financial statements may change upon examination by the tax authorities.

Provisional corporate income tax on advances received from real estate transfer activities

The Group is required to pay provisional corporate income tax at 1% of advances received from real estate transfer activities. The Group will finalise the corporate income tax payable for this activity upon handover of the real estate.

Other taxes

The Group declares and pays these in accordance with regulations.

14. Short-term accrued expenses

	Closing balance	Opening balance
Accrued interest expenses	12,970,076,919	11,639,842,848

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
<i>Of which accrued interest expenses relating to the purchase and construction of fixed assets in progress</i>	318,708,231	317,399,093

15. Other short-term payables

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	310,000,000	310,000,000
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company ("TTVN") (*)	310,000,000	310,000,000
<i>Payables to other organisations and individuals</i>	2,100,650,514	1,955,230,628
Trade union fees	246,039,225	132,625,725
Social, health and unemployment insurance	235,670,400	-
Short-term deposits received	1,580,000,000	1,780,000,000
Other short-term payables	38,940,889	42,604,903
Total	2,410,650,514	2,265,230,628

(*) Payable relating to the 2023 dividends on 3,100,000 TTP shares whose ownership has not yet been transferred by TTVN to the Parent Company (see Note V.4). These dividends will be recorded as a reduction of the investment in TTP when TTVN completes the transfer of share ownership to the Parent Company.

The Group has no overdue other payables.

16. Borrowings**16a. Short-term borrowings**

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
<i>Short-term borrowings from other organisations</i>	34,697,520,000	34,817,640,000
B.Grimm Renewable Power 2 Limited ⁽ⁱ⁾	34,697,520,000	34,817,640,000
<i>Short-term bank borrowings</i>	2,625,134,559	-
Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank ⁽ⁱⁱ⁾	2,625,134,559	-
<i>Current portion of long-term borrowings (see Note V.16b)</i>	31,870,000,000	52,077,198,154
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	870,000,000	870,000,000
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ha Nam Branch	-	10,222,821,096
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	31,000,000,000	40,984,377,058
Total	69,192,654,559	86,894,838,154

(i) Truong Thanh Energy Joint Stock Company (a subsidiary) received a loan from B.Grimm Renewable Power 2 Limited under a loan agreement dated 1 July 2020 in exchange for the right to receive 3,062,400 shares of TTP Phu Yen Joint Stock Company. The total loan amount is USD 1,320,000 with a term of 1 year from the drawdown date. The loan fell due on 1 July 2021; however, the parties have not yet completed the extension procedures or transferred the ownership of the TTP Phu Yen shares. The interest rate for 2026 is 5.5% per annum (2025: 5.5% per annum).

(ii) The Parent Company and Truong Thanh Energy Joint Stock Company (a subsidiary) borrow under credit line agreements with Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (the Parent Company's agreement signed on 2 June 2026; Truong Thanh Energy Joint Stock Company's agreement signed on 8 September 2026), with a credit line term of 12 months from the effective date

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

of the agreement, for the purpose of supplementing working capital to pay salaries to employees; the bank disburses directly to employees. Outstanding balances as at 30 September 2026: Parent Company VND 1,999,701,019; Truong Thanh Energy Joint Stock Company VND 625,433,540. The Parent Company's credit line agreement is guaranteed by Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company (a related party).

The Group is able to repay its short-term borrowings.

Movements in short-term borrowings during the period are as follows:

	Short-term borrowings from other organisations	Short-term bank borrowings	Current portion of long-term borrowings	Total
Opening balance	34,817,640,000	-	52,077,198,154	86,894,838,154
Borrowings drawn during the period	-	2,625,134,559	-	2,625,134,559
Decrease due to divestment of subsidiaries	-	-	(10,222,821,096)	(10,222,821,096)
Transfer from long-term borrowings and debts	-	-	13,075,729,986	13,075,729,986
Exchange differences on year-end revaluation	(120,120,000)	-	-	(120,120,000)
Borrowings repaid	-	-	(23,060,107,044)	(23,060,107,044)
Closing balance	34,697,520,000	2,625,134,559	31,870,000,000	69,192,654,559

16b. Long-term borrowings

	Closing balance	Opening balance
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade ⁽ⁱ⁾	163,363,872,842	163,937,508,233
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ha Nam Branch	-	8,445,726,327
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Tay Ho Branch ⁽ⁱⁱ⁾	1,394,500,000	2,047,000,000
Total	164,758,372,842	174,430,234,560

- (i) Onsen Hoi Van Limited Liability Company (a subsidiary) borrows from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade under a credit agreement dated 9 August 2024 with a credit limit of VND 350 billion. The credit limit is available for 60 months from the day following the first drawdown. The company is not required to repay principal for 18 months from the first drawdown date but not later than 31 December 2025. The preferential interest rate for 12 months from the day following the first drawdown date is 8.6% per annum. The interest rate for this period is 9.9% - 14% per annum. The purpose is to pay investment costs of the Hoi Van Resort Project. The collateral comprises all rights and benefits attached to or arising from this project; and land use rights in Kieu Ky Commune, Gia Lam District, Hanoi owned by Quang Anh Vina Investment Company Limited.
- (ii) Represents loans from the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Tay Ho Branch under credit agreements dated 12 December 2022 and 9 June 2023 for the purchase of cars for production and business activities. The loan amounts and terms are VND 3,700,000,000 - 84 months and VND 1,700,000,000 – 60 months respectively. The interest rates are 9.9% and 8.5% per annum respectively for the first 12 months from disbursement, thereafter at the

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

bank's 12-month VND individual savings rate (interest paid in arrears) plus a margin of 3.5% per annum, adjusted every 6 months. The loans are secured by the assets financed by the loans.

The Group is able to repay its long-term borrowings.

The repayment schedule of long-term borrowings is as follows:

	Closing balance	Opening balance
Within 1 year	31,870,000,000	52,077,198,154
Over 1 year to 5 years	164,758,372,842	174,430,234,560
Total	196,628,372,842	226,507,432,714

Movements in long-term borrowings during the period are as follows:

	Current period	Prior period (*)
Opening balance	174,430,234,560	152,029,875,792
Borrowings drawn	8,441,987,551	21,105,308,608
Increase due to consolidation of subsidiaries	-	18,668,547,399
Decrease due to divestment of subsidiaries	(5,038,119,283)	-
Transfer to short-term borrowings and debts	(13,075,729,986)	(22,568,229,000)
Closing balance	164,758,372,842	169,235,502,799

(*) The prior period figures for this item are those for the first 6 months of 2025 per the reviewed interim consolidated financial statements for the first 6 months of 2025, as the consolidated financial statements for Quarter III of 2025 did not present this detail.

The Group has no overdue borrowings.

17. Deferred income tax**17a. Deferred tax assets**

Deferred tax assets relate to deductible temporary differences arising on business combinations. Movements during the period are as follows:

	Current period	Prior period (*)
Opening balance	372,164,344	154,386,566
Recognised in profit or loss	148,000,000	124,444,444
Closing balance	520,164,344	278,831,010

17b. Deferred tax liabilities

Deferred tax liabilities relate to taxable temporary differences arising from the reversal of allowances at subsidiaries and associates on business combinations. Movements are as follows:

	Current period	Prior period (*)
Opening balance	898,671,463	1,077,738,493
Recognised in profit or loss	(247,609,342)	(126,669,057)
Closing balance	651,062,121	951,069,436

(*) The prior period figures for this item are those for the first 6 months of 2025 per the reviewed interim consolidated financial statements for the first 6 months of 2025, as the consolidated financial statements for Quarter III of 2025 did not present this detail.

The corporate income tax rate used to determine deferred tax liabilities is 20% (same period last year: 20%).

18. Owners' equity

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

18a. Reconciliation of movements in owners' equity

	Owners' contributed capital	Share premium	Undistributed profit after tax	Non- controlling interests	Total
Opening balance of prior year	1,208,065,620,000	3,467,545,239	112,957,091,011	153,590,313,340	1,478,080,569,590
Capital contributed in cash by subsidiaries' shareholders	-	-	-	-	-
Profit for the period	-	-	7,207,278,404	2,712,972,543	9,920,250,947
Changes in ownership interests in subsidiaries	-	-	2,410,240,771	14,744,277,170	17,154,517,941
Increase due to business combinations	-	-	-	26,972,619,498	26,972,619,498
Closing balance of prior period	1,208,065,620,000	3,467,545,239	122,574,610,186	198,020,182,551	1,532,127,957,976
Opening balance of current year	1,208,065,620,000	3,467,545,239	126,767,016,513	149,647,125,601	1,487,947,307,353
Profit for the current period	-	-	10,244,060,661	1,926,593,654	12,170,654,315
Decrease due to divestment of subsidiaries	-	-	-	(30,446,852,811)	(30,446,852,811)
Adjustment to prior-year undistributed profit at a subsidiary (GIP) (*)	-	-	(10,409,653)	-	(10,409,653)
Closing balance of current period	1,208,065,620,000	3,467,545,239	137,000,667,521	121,126,866,444	1,469,660,699,204

(*) Truong Thanh GIP Electricity Investment, Construction and Distribution Joint Stock Company recorded an additional VND 10,409,653 to its 2025 undistributed profit (CIT of VND 10,333,895 and prepaid expenses of VND 75,758). This adjustment is currently recognised entirely in the Parent Company's share; the portion attributable to non-controlling shareholders (97.96%) has not been allocated as it is immaterial. Prior period figures are presented in accordance with the consolidated financial statements for Quarter III of 2025.

18b. Shares

	Closing balance	Opening balance
Number of shares registered for issuance	120,806,562	120,806,562
Number of ordinary shares issued	120,806,562	120,806,562
Number of ordinary shares outstanding	120,806,562	120,806,562

Par value of outstanding shares: VND 10,000.

19. Off-statement of financial position items**19a. Leased assets**

Total future minimum lease payments under non-cancellable operating leases by term are as follows:

	Closing balance	Opening balance
Within 1 year	815,546,880	787,968,000
Over 1 year to 5 years	3,438,823,680	3,377,756,160
Over 5 years	2,084,043,600	2,763,666,000
Total	6,338,414,160	6,929,390,160

The above operating lease payments represent office rental at Sun Grand City Ancora Residence Building (address: No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung, Hanoi) leased by the Parent Company under an operating lease. The leased area is 180 m² for a term of 10 years from 1 January 2024. The rental rates are as follows:

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

Year	Rental rate (VND/m ² /month)	Management service fee (VND/m ² /month)
From 2024 to the end of 2026	243,200	121,600
From 2027 to the end of 2028	260,224	121,600
From 2029 to the end of 2030	278,464	121,600
From 2031 to the end of 2032	297,920	121,600
2033	318,835	121,600

19b. Assets received as pledges, mortgages and guarantees

Assets received by the Group as pledges and mortgages and guarantees received in relation to loans, share transfer receivables and investment cooperation, as presented in the corresponding notes, include:

Form of security	Secured obligations	Reference
Pledge/mortgage of shares	Loans and share transfer receivables	Notes V.2a, V.3
Guarantee by Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company (a related party)	Loans and investment cooperation	Notes V.2a, V.2c

19c. Assets pledged and mortgaged

	Carrying amount		Pledge/mortgage term	Pledgee/mortgagee
	Closing balance	Opening balance		
Inventories (see Note V.6)	110,765,211,758	105,229,533,721	60 months	Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade
Other current assets (see Note V.8)	2,113,391,096	2,112,686,301	12 months	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
Tangible fixed assets (see Note V.9)	5,174,484,895	5,786,372,797	60 months - 84 months	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
Construction in progress (see Note V.10)	227,964,690,956	193,222,240,797	60 months	Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade
Total	346,017,778,705	306,350,833,616		

19d. Foreign currencies

As at the end of the reporting period, the Group's cash and cash equivalents included USD 86.80 (opening balance: USD 86.80).

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON ITEMS PRESENTED IN THE INTERIM CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of goods and rendering of services****1a. Total revenue**

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year
Revenue from sale of electricity	5,957,362,605	12,383,008,003
Revenue from consulting, operation and maintenance services for power plants	19,881,483,659	27,647,298,183
Total	25,838,846,264	40,030,306,186

1b. Revenue from sales of goods and rendering of services to related parties

Sales of goods and rendering of services to related parties are presented in Note VIII.1b.

2. Cost of goods sold

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year
Cost of electricity sold	3,768,086,360	6,545,891,960
Cost of consulting, operation and maintenance services for power plants	13,421,871,212	18,126,847,417
Total	17,189,957,572	24,672,739,377

3. Financial income

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year
Interest on deposits and loans	15,449,178,890	13,392,405,098
Gain on disposal of subsidiaries (see Note I.5a)	3,299,348,318	-
Gain on disposal of an associate (see Note V.2b)	5,188,932,976	-
Dividends received	-	1,299,999,740
Foreign exchange gains on revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	48,079,013	143,220
Total	23,985,539,197	14,692,548,058

4. Financial expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year
Borrowing costs	2,115,579,489	4,372,718,226
Foreign exchange losses on revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	-	1,315,951,905
Allowance for impairment of investments	1,306,856,871	2,347,684,686
Other financial expenses	6,000,000	488,669
Total	3,428,436,360	8,036,843,486

5. General and administrative expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year
Staff costs	7,564,518,016	7,482,325,161
Office materials and supplies	357,477,550	74,929,392
Depreciation of fixed assets	600,050,803	623,903,369

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year
Taxes, fees and charges	101,203,534	43,540,000
Goodwill amortisation	-	2,324,539,467
Outside services	1,823,818,385	(*)
Other expenses	2,586,488,447	3,707,489,189
Total	13,033,556,735	14,256,726,578

(*) The consolidated financial statements for Quarter III of 2025 presented outside service expenses within "Other expenses".

6. Other income

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year
Gain from bargain purchase of a subsidiary	-	5,190,421,728
Gain on disposal of fixed assets	280,909,091	-
Other income	2,000	106
Total	280,911,091	5,190,421,834

7. Earnings per share**7a. Basic/diluted earnings per share**

	Current period	Prior period
Accounting profit after corporate income tax attributable to shareholders of the Parent Company	10,244,060,661	7,207,278,404
Adjustments increasing/decreasing accounting profit to determine profit attributable to ordinary shareholders:	-	-
Profit used to calculate basic/diluted earnings per share	10,244,060,661	7,207,278,404
Weighted average number of ordinary shares outstanding during the period	120,806,562	120,806,562
Basic/diluted earnings per share	85	60

7b. Other information

There were no transactions involving ordinary shares or potential ordinary shares between the end of the reporting period and the date of issuance of these interim consolidated financial statements.

8. Production and business costs by nature

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year (*)
Raw materials and supplies	297,948,810	9,748,194
Labour costs	7,564,518,016	7,062,840,303
Depreciation of fixed assets	2,628,803,211	2,796,432,285
Goodwill amortisation	-	1,646,996,899
Outside services	16,943,021,146	13,644,878,375
Other expenses	2,789,223,124	1,083,197,527
Total	30,223,514,307	26,244,093,583

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

(*) The prior period figures for this item are those for the first 6 months of 2025 per the reviewed interim consolidated financial statements for the first 6 months of 2025, as the consolidated financial statements for Quarter III of 2025 did not present this detail.

VII. ADDITIONAL INFORMATION ON ITEMS PRESENTED IN THE INTERIM CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT**1. Unavailable cash and cash equivalents held by the Group**

Restricted cash and cash equivalents are presented under "Other current assets" (see Note V.8).

2. Non-cash transactions

During the period, the Group had the following non-cash transactions: (i) conversion of the share transfer receivable from Truong Thanh Land Group Joint Stock Company into a loan, amounting to VND 33,500,000,000 (Note V.2a); (ii) acquisition of shares in Le Thuy Energy Investment Joint Stock Company settled by offsetting against receivables and advances, amounting to VND 254,000,000,000 (Note V.2c); (iii) loans from Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank disbursed directly by the bank to pay employees' salaries, amounting to VND 2,625,134,559.

VIII. OTHER INFORMATION**1. Transactions and balances with related parties**

Related parties of the Group include: key management personnel and individuals related to key management personnel; and other related parties.

1a. Transactions and balances with key management personnel and individuals related to key management personnel

Key management personnel comprise members of the Board of Directors, the Board of Supervisors and the Board of Management (Board of General Directors and Chief Accountant). Individuals related to key management personnel are close members of their families.

Significant transactions with key management personnel and individuals related to key management personnel during the period are as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year (*)
<i>Collections of progress payments under real estate transfer contracts from:</i>		
Ms. Dang Thi Phuong Hoa (a related party of the Chairman of the Board of Directors)	1,945,275,198	-
Mr. Dang Tran Quyet (a related party of the Chairman of the Board of Directors)	1,690,610,487	-
Mr. Mac Quang Huy (Member of the Board of Directors)	436,746,837	-
Ms. Dao Thi Hong (a related party of a Member of the Board of Directors)	1,739,964,611	-
Mr. Vuong Thanh Nam (a related party)	4,962,043,924	-
<i>Other transactions with Ms. Dang Thi Phuong Hoa:</i>		
Loans granted	3,550,000,000	-
Loan collections	4,665,000,000	-
Loan interest receivable	1,097,909,589	1,224,156,164

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	<u>Current year</u>	<u>Prior year (*)</u>
<i>Other transactions with Ms. Dao Thi Thanh Hien:</i>		
Collection of advances	2,856,000	-

Balances with key management personnel and individuals related to key management personnel are presented in Notes V.2a, V.5a and V.12.

Income of key management personnel

	<u>Position</u>	<u>Salary</u>	<u>Remuneration</u>	<u>Total income</u>
<i>Current period</i>				
Mr. Dang Trung Kien	Chairman of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman cum Independent Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Dao Xuan Duc	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Le Dinh Ngoc	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Mac Quang Huy	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Ha Ngoc Minh	Independent Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Ms. Dang Bich Thuy	Head of the Board of Supervisors (dismissed on 21/09/2026)	-	27,000,000	27,000,000
Ms. Tran Thi Hanh	Head of the Board of Supervisors (from 22/09/2026)	-	-	-
Ms. Le Thuy Linh	Member of the Board of Supervisors	-	9,000,000	9,000,000
Ms. Vuong Thi Oanh	Member of the Board of Supervisors	-	9,000,000	9,000,000
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director	886,761,000	-	886,761,000
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant	361,800,000	-	361,800,000
Total		<u>1,248,561,000</u>	<u>234,000,000</u>	<u>1,482,561,000</u>
<i>Prior period</i>				
Mr. Dang Trung Kien	Chairman of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Hoang Manh Huy	Member of the Board of Directors cum General Director	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Le Dinh Ngoc	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Position	Salary	Remuneration	Total income
Mr. Akahane Seiji	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Hoang Dinh Loi	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Ms. Dao Thi Thanh Hien	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Mac Quang Huy	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Ha Ngoc Minh	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan	Member of the Board of Directors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Dao Xuan Duc	Head of the Board of Supervisors	-	27,000,000	27,000,000
Mr. Pham Duy Hoan	Member of the Board of Supervisors	-	9,000,000	9,000,000
Ms. Tran Thi Hanh	Member of the Board of Supervisors	-	9,000,000	9,000,000
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director	518,400,000	-	518,400,000
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant	312,300,000	-	312,300,000
Total		830,700,000	315,000,000	1,145,700,000

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Group include:

Other related party	Relationship
Dong Hai Wind Power Joint Stock Company	Associate
108 Truong Thanh Construction Investment Joint Stock Company	Associate (until 30 June 2026)
Le Thuy Energy Investment Joint Stock Company	Sharing key management personnel
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	Major shareholder
Truong Thanh Green Technology Joint Stock Company	Sharing key management personnel
Quang Phu Energy Joint Stock Company	Sharing key management personnel
Truong Thanh Vietnam Industrial Joint Stock Company	Major shareholder/Related party of key management personnel
Truong Thanh Dai Phat Joint Stock Company	Related party of key management personnel
TTP Phu Yen Joint Stock Company	Sharing key management personnel
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company	Sharing key management personnel
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power Joint Stock Company	The Group is a major shareholder (15% ownership)
Mr. Le Hoang Bao	Member of the Board of Management of Onsen Hoi Van Limited Liability Company

Transactions with other related parties

Significant transactions between the Group and other related parties are as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year
Revenue from services provided to related parties:		-
TTP Phu Yen Joint Stock Company (*)	17,672,727,273	12,956,389,092
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company (*)	130,967,742	3,800,000,000

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Prior year
Dong Hai Wind Power Joint Stock Company	563,587,544	-
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power Joint Stock Company	1,514,201,100	-
Construction and repair services provided by related parties:		
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company	21,350,912,491	47,878,548,366
Acquisition of shares from related parties:		
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	-	12,764,500,000
Truong Thanh Green Technology Joint Stock Company	-	9,231,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan – shares of Le Thuy Energy Investment Joint Stock Company (settled by offsetting)	124,927,225,000	-
Dividends received from:		
TTP Phu Yen Joint Stock Company		1,299,999,740
Collection of advances from:		
Mr. Le Hoang Bao	3,553,531,500	
Loans granted to:		
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company	52,500,000,000	-
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	37,350,000,000	-
Loan collections from:		
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	9,050,000,000	-
Loan interest receivable from:		
Truong Thanh Land Group Joint Stock Company	1,342,630,137	-
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	870,338,412	-
Borrowings from:		
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	-	231,580,500
Repayment of borrowings to:		
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	-	19,146,000,000
Interest payable to:		
Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company	-	749,749,887

(*) The prior period figures for this item are those for the first 6 months of 2025 per the reviewed interim consolidated financial statements for the first 6 months of 2025, as the consolidated financial statements for Quarter III of 2025 did not present this detail.

Guarantee commitments from other related parties

Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company has used assets under its lawful ownership to secure the Parent Company's loans from Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank, with outstanding principal, interest and other financial obligations arising from such principal up to a maximum of VND 2 billion (see Note V.16a).

Balances with other related parties

Balances with other related parties are presented in Notes V.2, V.3, V.4, V.5, V.12 and V.15.

Except for the receivables secured by collateral or guarantees as presented in Note V.3, receivables from other related parties are unsecured and will be settled in cash. No allowance for doubtful debts has been made for receivables from other related parties.

2. Segment information

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

The primary segment reporting format is by business segment, based on the Group's organisational and internal management structure and internal financial reporting system.

2a. Business segment information

The Group has the following principal business segments:

- Trading;
- Services;
- Electricity generation;
- Financial investment (lending and investments in other entities);
- Real estate business;
- Others.

2b. Geographical segment information

All of the Group's operations are conducted within the territory of Vietnam.

3. Comparative figures

The comparative figures in the interim consolidated income statement, the interim consolidated cash flow statement and the corresponding notes are those for the period from 1 January 2025 to 30 September 2025 per the consolidated financial statements for Quarter III of 2025 prepared by the Company; the opening balances are those in the audited consolidated financial statements for the financial year ended 31 December 2025, as adjusted as presented below (consistent with the reviewed interim consolidated financial statements for the first 6 months of 2026).

Certain items have been adjusted and re-presented due to: (i) application of the provisions of Circular 99 and Circular 43 on the presentation of financial statements (see Note III.1); and (ii) retrospective adjustment of 2025 figures for the additional allowance for impairment of investments and the related corporate income tax effect. Details are as follows:

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the period from 01 January 2026 to 30 September 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

	Code	As previously reported	Adjustments	As restated	Notes
<i>Interim consolidated statement of financial position</i>					
Cash equivalents	112	4,850,000,000	(2,100,000,000)	2,750,000,000	(i)
Short-term held-to-maturity investments	123	2,084,000,000	187,818,330,752	189,902,330,752	(ii), (iii)
Loans		165,570,000,000	(165,570,000,000)	-	(ii)
Other short-term receivables	135	113,171,148,115	(22,261,017,053)	90,910,131,062	(iii), (iv)
Other current assets	165	-	2,112,686,301	2,112,686,301	(i), (iv)
Other long-term receivables	215	75,401,450,000	(45,000,000,000)	30,401,450,000	(v)
Investments in other entities	263	429,560,605,901	45,000,000,000	474,560,605,901	(v)
Allowance for impairment of long-term investments in other entities	264	(9,587,400,442)	(16,389,993,579)	(25,977,394,021)	(vi)
Short-term taxes and amounts payable to the State	314	6,753,167,434	(1,535,468,594)	5,217,698,840	(vii)
Undistributed profit after tax accumulated to the end of the prior period	420	141,621,541,498	(14,854,524,985)	126,767,016,513	(vi), (vii)
<p>(i) Reclassification of 3-month restricted term deposits from "Cash equivalents" to "Other current assets".</p> <p>(ii) Reclassification of loan principal from "Loans" to "Held-to-maturity investments".</p> <p>(iii) Reclassification of accrued loan interest from "Other short-term receivables" to "Held-to-maturity investments", amounting to VND 22,248,330,752.</p> <p>(iv) Reclassification of accrued interest on 3-month restricted term deposits from "Other short-term receivables" to "Other current assets", amounting to VND 12,686,301.</p> <p>(v) Reclassification of the BCC without joint control, with profit sharing based on business results, from "Other long-term receivables" to "Investments in other entities".</p> <p>(vi) Additional allowance for impairment of the investments in Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company and Huong Hoa Holding Joint Stock Company as at 31 December 2025. ^(*)</p> <p>(vii) Adjustment of corporate income tax payable and undistributed profit after tax for the effect of the additional allowance stated in (vi) ^(*).</p>					

^(*) On 27 April 2026, after the Group's 2025 consolidated financial statements had been published, the Group received the audited 2025 financial statements of Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company and Huong Hoa Holding Joint Stock Company, in which these companies incurred losses in 2025. As this information has a material effect on the determination of the allowance for impairment of investments as at 31 December 2025, the Group has retrospectively adjusted the 2025 figures in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 29 - "Changes in Accounting Policies, Accounting Estimates and Errors".

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For Quarter III of the fiscal year ending 31 December 2026

Notes to the interim consolidated financial statements (continued)

4. Significant assumptions and estimates

The preparation of the interim consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of interim consolidated financial statements requires the Board of General Directors to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets and liabilities and the disclosure of contingent liabilities/contingent assets at the end of the reporting period, as well as the reported amounts of revenue and expenses during the period. Actual results may differ from these estimates and assumptions.

Estimates and assumptions that have a significant effect on the interim consolidated financial statements include:

- Allowance for doubtful debts (Notes V.3 and V.5)
- Allowance for impairment of loans (Note V.2a)
- Allowance for impairment of investments in other entities (Note V.2c)

The above estimates and assumptions are made by the Board of Management based on the best information and experience available and are reviewed and reassessed at each reporting date. As at the end of the reporting period, based on its assessment of the uncertainties relating to the above estimates and assumptions, the Board of Management has determined that there are no material matters requiring additional disclosure regarding the extent of their effects, the likelihood of different outcomes or the measures expected to be taken in the next accounting period.

There have been no significant changes in the bases and methods of determining accounting estimates compared with those applied in preparing the most recent annual financial statements or the interim financial statements for the same period of the prior year.

5. Events after the end of the reporting period

On 9 October 2026, the Board of Directors of the Parent Company issued Resolution No. 22/2026/NQ-HĐQT on the transfer of 15,034,479 shares (19.99% of charter capital) of Truong Thanh Tra Vinh Wind Power Joint Stock Company [transferee, transfer price, implementation status: ...]. The carrying amount of the investment as at 30 September 2026 is VND 300,689,580,000, and the allowance for impairment made is VND 17,006,873,774.

Apart from the above event, there have been no significant events from the end of the reporting period to the date of these interim consolidated financial statements that require adjustment of, or disclosure in, the interim consolidated financial statements.

Prepared on 23 October 2026

Prepared by

Chief Accountant

For and on behalf of the Legal
Representative
General Director

Pham Thi Hue

Pham Thi Hue



Hoang Manh Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP**

Số: 32./2026/CV-TEG

V/v: Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên BCTC Hợp
nhất quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (mã chứng khoán TEG) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh lời chào trân trọng nhất!

Bằng công văn này, chúng tôi xin giải trình với Quý Cơ quan về sự thay đổi lợi nhuận sau thuế TNDN quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group trên BCTC hợp nhất, như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Quý III Năm 2026	Quý III Năm 2025	Tăng/Giảm	Tỷ lệ % Tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	6.613.755.361	15.145.064.418	(8.531.309.057)	(56,33%)
2	Lợi nhuận gộp	2.206.670.287	6.434.284.913	(4.227.614.626)	(65,70%)
3	Lợi nhuận sau thuế	2.686.810.681	4.054.968.011	(1.368.157.330)	(33,74%)

Lợi nhuận sau thuế quý III năm 2026 giảm 1.368.157.330 đồng, tương ứng giảm 33,74% so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu là do: quý III/2026, Công ty tái cấu trúc danh mục đầu tư, thoái vốn tại một số công ty con trong lĩnh vực sản xuất điện, đồng thời một số hợp đồng cung cấp dịch vụ chưa đủ điều kiện nghiệm thu làm cho doanh thu thuần giảm so với cùng kỳ năm 2025, dẫn đến Lợi nhuận sau thuế thay đổi như trên.

Trên đây là nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <https://tteg.vn/vn>

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu: KT

 **CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP**



**TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

No: 22./2026/CV-TEG

*Report: Explanation of the difference in profit after
tax on the Consolidated Financial Statements of
Q3/2026 compared to the Q3/2025*

Hanoi, 23 October 2026

To: - STATE SECURITIES COMMISSION
- HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (stock code: TEG) would like to send our best regards to the State Securities Commission and the Ho Chi Minh City Stock Exchange!

By this official letter, we would like to explain to the Authority about the change in Profit after Corporate Income Tax in Q3/2026 compared to the Q3/2025 of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company on the consolidated financial statements as follows:

Unit: VND

No.	Items	Q3/2026	Q3/2025	Increase/ decrease	Percentage % Increase/decrease
1	Net revenue	6,613,755,361	15,145,064,418	(8,531,309,057)	(56.33%)
2	Gross profit	2,206,670,287	6,434,284,913	(4,227,614,626)	(65.70%)
3	Profit after tax	2,686,810,681	4,054,968,011	(1,368,157,330)	(33.74%)

The profit after tax in Q3/2026 decreased by VND 1,368,157,330, representing a 33.74% decrease compared to Q3/2025. The main reason is that: in Q3/2026, the company restructured its investment portfolio and divested its equity interests in certain subsidiaries operating in the power generation sector. In addition, certain service contracts did not yet meet the criteria for acceptance, resulting in a decrease in net revenue compared with the same period in 2025, which led to the change in profit after tax.

The above explanation of the difference in Profit after tax on the consolidated financial statements of the Q3/2026 compared to the Q3/2025 of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company.

We would like to commit that the information published above is accurate and fully responsible before the law for the content of the published information.

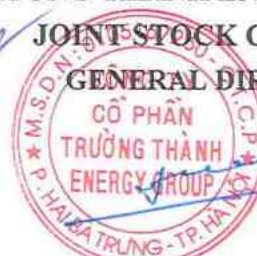
Website address for posting all financial statements: <https://tteg.vn/vn>

Thank you very much!

Recipient:

- As above
- Save: Accounting department

TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY
GENERAL DIRECTOR



HOANG MANH HUY